

CHUYÊN ĐỀ SỐ 18 (THÁNG 6/2021)

PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM

NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO



CHUYÊN ĐỀ PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:

PHẠM QUANG THAO

Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam

BAN BIÊN TẬP

**ĐẶNG VŨ CẢNH LINH
PHẠM THỊ BÍCH HỒNG
NGUYỄN MINH THUẬN
TẠ VĂN HIẾU**

CHUYÊN ĐỀ

Phổ biến kiến thức
số 18 (T6/2021)

Mọi thông tin phản hồi về nội dung
xin liên hệ Ban Truyền thông
và Phổ biến kiến thức

Địa chỉ: 53 Nguyễn Du, Hai Bà
Trung, Hà Nội

Điện thoại: (024) 39439821

Fax: (024)38227593

Email:

bichhongvusta@gmail.com

thuanminhanh@gmail.com

Thiết kế & Mỹ thuật: Văn Hiếu

NỘI DUNG

GÓC CHUYÊN GIA 3 - 8

- Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản công nghệ cao ở nước ta.
- Bài học kinh nghiệm từ nuôi trồng thủy sản công nghệ cao ở một số nước trên thế giới.
- Chính sách nuôi trồng thủy sản công nghệ cao ở nước ta.

CẦM TAY CHỈ VIỆC 9 - 15

- Nuôi Cua biển công nghiệp, bán công nghiệp
- Nuôi Hải Sâm - hướng đi phát triển
- Cá Chình nước ngọt tại Việt Nam
- Kinh nghiệm nuôi cá lồng, thu tiền tỷ mỗi năm
- Nuôi trai lấy ngọc “đánh liều” U70 “hốt bạc”
- Nuôi Tôm Hùm trong bể xi măng bước đi mang lại hiệu quả
- Kỹ thuật nuôi Ba Ba gai, Rùa câm trong bể xi măng vươn lên làm giàu

HỎI & ĐÁP KHOA HỌC 16 - 22

- Kỹ thuật nuôi tôm càng xanh đem lại hiệu quả kinh tế cao
- Nuôi cá rô đồng mang lại kinh tế giúp xóa đói giảm nghèo
- Nuôi cá Mú biển trong lồng
- Nuôi Bào ngư và những kỹ thuật cần biết
- Kỹ thuật nuôi cá Chép giòn thương phẩm
- Kỹ thuật nuôi cá Trắm cỏ trong ao
- Nuôi cá rô phi đơn tính hiệu quả
- Nuôi cá Trạch đồng ao đất hộ gia đình
- Nuôi Cua đồng trong bể xi măng
- Nuôi cá Diêu Hồng trong lồng bè trên sông, hồ
- Nuôi cá Lăng đạt hiệu quả kinh tế
- Nuôi cá Chuối hoa trong bể xi măng
- Nuôi ốc Hương thương phẩm trong ao
- Hiệu quả kinh tế từ nuôi Sò huyết

TIN TỨC SỰ KIỆN 23 - 24

- Tăng cường chỉ đạo nuôi Tôm nước lợ ở Cà Mau
- Ngành thủy sản đối mặt với những khó khăn thách thức ngoài tầm kiểm soát
- Thành phố Hà Tĩnh: Thả 3,1 vạn con giống để tái tạo nguồn lợi thủy sản
- Giá thức ăn chăn nuôi tiếp tục tăng

PHÁT TRIỂN MẠNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO Ở NƯỚC TA

PGS - TS. Bùi Huy Khiên
Học viện Hành chính Quốc gia



Lồng bè nuôi cá được cải tiến nguồn: internet

Ở nước ta đang tập trung phát triển thủy sản thành một ngành sản xuất hàng hóa, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao trong hội nhập kinh tế quốc tế, trên cơ sở phát huy lợi thế của một ngành sản xuất - khai thác tài nguyên tái tạo, lợi thế của nghề cá nhiệt đới, chuyển nghề cá nhân dân thành nghề cá hiện đại, tạo sự phát triển đồng bộ, đóng góp ngày càng lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Yêu cầu về nuôi trồng thủy sản Cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nghề cá, gắn với việc tổ chức lại sản xuất ngành thủy sản ở tất cả các lĩnh vực: khai thác, nuôi trồng, cơ khí hậu cần dịch vụ và chế biến thủy sản theo chuỗi giá trị sản phẩm từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến tiêu thụ, nhằm nâng cao hiệu quả tối ưu cho sản phẩm thủy sản, chúng ta đang hình thành các trung tâm nghề cá lớn ở các vùng: Vịnh Bắc bộ, duyên hải miền Trung, Đông Nam bộ, Tây Nam bộ. Nâng cao mức sống, điều kiện sống của cộng đồng ngư dân và đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực cho nghề cá. Xác định nông, ngư dân và doanh nghiệp là chủ thể chính của sản xuất thủy sản, đồng thời tạo sự gắn kết lợi ích giữa nông dân, ngư dân và doanh nghiệp là khâu đột phá trong quá trình đổi mới

ngành thủy sản. Tạo việc làm cho hàng triệu lao động nghề cá có thu nhập bình quân đầu người cao. Xây dựng và thiết lập cơ chế, chính sách quản lý khai thác nội địa từ điều tra nguồn lợi trên các lưu vực sông, suối, hồ đến quản lý khai thác gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường.

Cần tập trung nghiên cứu điều tra nguồn lợi, dự báo ngư trường phục vụ khai thác hải sản; phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các hoạt động nghiên cứu nguồn lợi và tổ chức khai thác hải sản trên biển. Tăng cường bảo vệ, hỗ trợ đảm bảo an toàn cho ngư dân hoạt động. Phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành cơ khí tàu cá, các ngành sản xuất lưới sợi, ngư cụ phục vụ khai thác gắn với đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa các cảng cá, bến cá, các khu hậu cần dịch vụ nghề cá ven biển và trên các hải đảo. Ổn định diện tích nuôi các loài cá truyền thống trên các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa để tăng nguồn thực phẩm, tạo việc làm, tăng thu nhập cho các hộ gia đình nông dân, đồng bào miền núi, góp phần thiết thực xóa đói giảm nghèo. Không ngừng đổi mới cơ cấu, nâng cao chất lượng các đối tượng nuôi, các giống thủy đặc sản và các giống thủy sản mới phục vụ xuất khẩu, du lịch và thị trường nội địa. Xây dựng thương hiệu thủy sản uy tín, chất lượng cao. Duy trì, phát triển các hình thức nuôi hữu cơ (nuôi sinh thái), nuôi quảng canh cải

tiến ở các vùng bãi bồi, đầm phá, rừng ngập mặn để vừa tạo sản phẩm xuất khẩu chất lượng cao, vừa bảo vệ môi trường sinh thái và nguồn lợi thủy sản.

Chú trọng việc quy hoạch, tổ chức lại các cơ sở chế biến thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc thú y phục vụ nuôi trồng thủy sản, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các công đoạn trong chuỗi giá trị của quá trình sản xuất thủy sản, đồng thời tạo sự công bằng giữa các thành phần kinh tế và giữa các lực lượng lao động tham gia sản xuất thủy sản. Đầu tư củng cố phát triển đồng bộ công nghiệp cơ khí, đóng, sửa tàu cá; sản xuất phụ trợ gắn với xây dựng cơ sở hạ tầng dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần đồng bộ trên biển, các vùng hải đảo, những vùng sản xuất tập trung ở Vịnh Bắc bộ, đồng bằng sông Hồng, Bắc, Nam Trung bộ, Đông Nam bộ, đồng bằng sông Cửu Long,

Phát triển nuôi biển thành một lĩnh vực sản xuất quy mô công nghiệp tạo khối lượng sản phẩm lớn phục vụ xuất khẩu, du lịch và tiêu thụ nội địa. Hoàn chỉnh quy hoạch, công bố quy hoạch các vùng nuôi biển tập trung: trên biển, ven các hải đảo và biên ven bờ; quy hoạch và có kế hoạch phát triển các giống hải sản phục vụ nghề nuôi biển, tạo sản phẩm hàng hóa lớn, sớm hình thành các nhóm

đối tượng chủ lực có xuất xứ nguồn gốc, có thương hiệu uy tín trên thị trường. Tập trung phát triển nhanh, mạnh các đối tượng có thị trường tốt, đã có truyền thống, có thương hiệu, chủ động sản xuất giống và quy trình sản xuất như: nhuyễn thể hai mảnh vỏ ven biển Bắc Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, trai ngọc Cô Tô, Phú Quốc, tu hải Cát Bà, Quảng Ninh, bào ngư Bạch Long Vĩ, tôm hùm Phú Yên, Khánh Hòa, ốc hương, sò điệp ... Áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất giống, tập trung nguồn lực để tạo nguồn giống sạch bệnh, trước hết đối với tôm sú, tôm chân trắng và cá tra. Tổ chức sản xuất thủy sản liên hoàn theo chuỗi giá trị sản phẩm. Thực hiện việc truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu các sản phẩm thủy sản, nhất là các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao của Việt Nam. Kết quả và định hướng

Nhờ những nỗ lực theo định hướng trên, trong thời gian qua, tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản bình quân hàng năm đạt 6%. Công suất cảng cá tăng thêm khoảng 352 nghìn tấn hàng qua cảng/năm, công suất neo đậu tăng thêm 24.900 tàu (vượt chỉ tiêu chương trình). Ngành thủy sản trong 10 năm qua đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, luôn thuộc nhóm các nước đứng đầu thế giới về giá trị xuất khẩu và đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế Việt Nam. Năm 2019 thủy sản Việt Nam chiếm 6,2% tổng sản lượng thủy sản châu Á, 4,4% tổng sản lượng và 5,5% giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản toàn cầu. Về giá trị kim ngạch xuất khẩu, thủy sản Việt Nam đứng thứ 3 thế giới. Mục tiêu xuất khẩu đạt 18-20 tỷ USD. Tiềm năng nuôi biển của Việt

Nam rất lớn, với chiều dài bờ biển 3.260 km và rộng 1 triệu km². Theo khảo sát sơ bộ, chúng ta có đến 500 nghìn km² nuôi biển. Vì vậy, nuôi biển có lợi thế rất lớn. Tuy nhiên, nuôi biển hiện nay chỉ ở giai đoạn phôi thai, nuôi gần bờ là chính và nuôi với lồng bè rất sơ sài, đơn giản. Con giống cũng chưa được nghiên cứu sản xuất một cách có quy trình công nghệ. Giống nuôi ở đây có thể từ nguồn đánh bắt được hoặc có thể từ nhập lậu.

Cần tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến tiêu thụ ở tất cả các lĩnh vực và đối tượng sản phẩm; trọng tâm là khai thác biển, nuôi tôm nước lợ, cá tra, ba sa, nhuyễn thể hai mảnh vỏ; tạo sự gắn kết, chia sẻ lợi nhuận, rũi ro giữa người sản xuất nguyên liệu và doanh nghiệp chế biến thủy sản. Tổ chức các mô hình sản xuất theo đặc thù từng lĩnh vực trên từng khu vực, từng vùng, miền. Bên cạnh phát triển các mô hình tổ hợp tác, quản lý cộng đồng, chú trọng đặc biệt đến phát triển hợp tác xã theo diện rộng và chiều sâu nhằm tích lũy kinh tế, đất đai, mặt nước gắn với việc bảo vệ môi trường, nguồn lợi để phát triển sản xuất hàng hóa lớn theo hướng bền vững. Lao động dồi dào trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và cơ cấu lại sản xuất từng lĩnh vực trong ngành sẽ được đào tạo nghề, chuyển đổi sang hoạt động các ngành kinh tế khác; đồng thời đẩy mạnh việc hợp tác xuất khẩu lao động nghề cá.

Những tiến bộ về khoa học, kỹ thuật đang tác động tích cực vào lĩnh vực nuôi trồng, chế biến thủy sản. Qua đó, giúp ngành thủy sản nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu. Theo các chuyên gia, với nguồn lực

khẩu và nội địa khoảng 4,5 - 5 triệu tấn; tiêu thụ dạng tươi, sống khoảng 2 triệu tấn. Trong thành tích chung đó, khoa học và công nghệ đã góp một phần không nhỏ, giúp duy trì năng lực nuôi trồng, chế biến, cung cấp đa dạng thủy sản cho thế giới và trong nước. Đó là động lực quan trọng đưa ngành thủy sản phát triển bền vững, hiệu quả hơn, nhất là trong những năm tới, kinh tế Việt Nam phát triển mạnh và thị trường 100 triệu dân sẽ có nhu cầu rất lớn về nuôi trồng, chế biến thủy sản chất lượng cao.

Mục tiêu đến năm 2030, kinh tế thủy sản đóng góp 28-30% GDP trong cơ cấu ngành nông nghiệp. Tổng sản lượng thủy sản đạt 10 triệu tấn, trong đó sản lượng khai thác thủy sản khoảng 25-30%, sản lượng nuôi trồng thủy sản 70-75%. Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 18-20 tỷ USD, trong đó xuất khẩu tại chỗ, thông qua du lịch và khách quốc tế khoảng 1,3 tỷ USD; đồng thời giải quyết việc làm cho 3,5 triệu lao động. Thu nhập bình quân đầu người lao động thủy sản tiệm cận mức thu nhập bình quân chung của lao động cả nước. 100% cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và các quy chuẩn bảo vệ môi trường. Chương trình Mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững đã đưa ngành thủy sản phát triển nhanh, các chỉ tiêu đều đạt và vượt mục tiêu đề ra nhưng dư địa phát triển vẫn còn rất lớn, đây là cơ hội để đưa ngành thủy sản tiếp tục phát triển.

Dự báo đến năm 2045, thủy sản phải là ngành sản xuất hàng hóa lớn có trình độ quản lý, khoa học công nghệ hiện đại, tuân thủ nghiêm ngặt các định chế quốc tế, phát triển có trách nhiệm và bền vững. Ngành thủy sản nước ta sẽ là trung tâm chế biến thủy sản chất lượng cao khu vực ASEAN và châu Á, thuộc nhóm ba nước sản xuất và xuất khẩu thủy sản dẫn đầu thế giới. Tiềm năng thủy sản và thị trường tiêu thụ dư địa của chúng ta còn rất lớn. Doanh nghiệp phải là đầu tàu để dẫn dắt sản xuất với hàng hóa lớn. Nguồn lực lao động trong lĩnh vực thủy sản hiện chưa đảm bảo, đào tạo chưa cơ bản. Khâu bảo quản sản phẩm sau khai thác chưa tốt, tổn thất thu hoạch rất lớn từ 15-20%. Do đó, trong chiến lược phát triển thủy sản trong thời gian tới, chúng ta phải đảm bảo nguồn lực lao động, đẩy mạnh nuôi biển hồ, ứng dụng công nghệ cao, theo công nghệ Na Uy. Bổ sung nuôi tôm cá kháng bệnh và



Nguồn: internet

BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

TS. Trần Thanh Tú



Thu hoạch tôm ở đồng bằng sông Cửu Long nguồn: internet

Việt Nam có tiềm năng lớn về nuôi trồng thủy sản. Thời gian qua, lĩnh vực này đã có những bước chuyển đổi mạnh theo hướng chất lượng và hiệu quả, có nhiều đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nguồn lợi thủy sản có dấu hiệu suy giảm. Do vậy, chúng ta cần phải học tập, tiếp thu những kinh nghiệm quý giá từ nuôi trồng thủy sản công nghệ cao của các nước tiên tiến trên thế giới để ứng dụng vào Việt Nam nhằm xây dựng ngành nuôi trồng thủy sản phát triển bền vững.

Nuôi trồng thủy sản công nghệ cao ở một số nước trên thế giới

Ở Indonesia - nuôi trồng thủy sản là một thành phần quan trọng của ngành thủy sản vì nó góp phần đảm bảo an ninh quốc gia thực phẩm và tạo nhiều việc làm và thu nhập ngoại hối từ việc xuất khẩu các sản phẩm thủy sản. Nuôi trồng thủy sản đã và đang đóng vai trò như là một nguồn thu nhập thay thế cho các cộng đồng ngư dân vùng ven biển, cũng như góp phần làm giảm áp lực lên tài nguyên thiên nhiên biển.

Trong những năm gần đây, ngành nuôi trồng thủy sản của Indonesia đã phát triển rất nhanh và hiện nay được coi là một ngành kinh tế quan trọng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn. Indonesia là một quốc gia quần đảo với trên 17.508 hòn đảo và đường bờ biển dài khoảng 81.000 km, và có một tiềm năng lớn cho nuôi trồng thủy sản. Diện tích nuôi trồng thủy sản tiềm năng của Indonesia vào khoảng 15.590.000 ha, bao gồm nuôi nước ngọt 2.230.000 ha, nuôi nước lợ 1.220.000 ha và 12.140.000 ha mặt nước biển. Tuy nhiên, nuôi trồng thủy sản của Indonesia mới chỉ sử dụng khoảng 50% tổng diện tích tiềm năng có thể nuôi trồng

thủy sản. Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản 3.1 triệu tấn. Nuôi trồng thủy sản đóng góp 34.5% tổng sản lượng thủy sản của cả nước. Chính nhờ luôn luôn quan tâm đầu tư bộ khoa học vào nuôi trồng thủy sản mà Indonesia đã gặt hái được nhiều thành công, trở thành quốc gia xuất khẩu thủy sản hàng đầu khu vực Châu Á.

Trung Quốc đang thúc đẩy mạnh sự phát triển xanh của ngành nuôi trồng thủy sản. Chủ trương này của Chính phủ Trung Quốc đã mang đến sự phân kích cho những người tham gia vào lĩnh vực nuôi trồng thủy sản. Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam, Trung Quốc là nhà sản xuất nuôi trồng thủy sản lớn nhất thế giới. Niên giám thông kê thủy sản Trung Quốc năm 2018 cho thấy, nước này đã sản xuất 49,1 triệu tấn thủy sản (bao gồm cả rong biển). Ấn Độ, nhà sản xuất thủy sản lớn thứ hai thế giới bị bỏ xa với sản lượng đạt 5,7 triệu tấn. Cũng theo số liệu của Trung Quốc, 4,9 triệu người dân đang tích cực ứng dụng tiến bộ khoa học vào hoạt động đẩy mạnh sự phát triển xanh của ngành nuôi trồng thủy sản.

Nuôi trồng thủy sản theo hướng phát triển xanh đang được đẩy mạnh ở một số vùng của Trung Quốc. Chủ tịch Liên minh tiếp thị và chế biến thủy sản Trung Quốc (CAPPMA), cho biết sẽ tiếp tục chiến dịch đóng cửa các trang trại nuôi trồng thủy sản gây ô nhiễm môi trường. Trung Quốc đã tháo dỡ đường ống xả nước thải trực tiếp ra biển ở Hải Nam và lấp các ao nuôi trồng thủy sản bất hợp pháp ở Giang Tô. Định hướng sản xuất xanh của Trung Quốc có thể tạo cơ hội cho thị trường thủy sản toàn cầu, dự kiến sẽ vượt Mỹ trong những năm tới.

Nhật Bản là quốc gia nghèo nàn về tài nguyên thiên nhiên. Địa hình nước này cũng rất đặc thù khi có nhiều đảo lớn nhỏ, rất ít diện tích đồng bằng. Do vậy, Nhật Bản không có điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi. Tuy nhiên, đối với ngành thủy sản thì điều kiện tự nhiên của Nhật lại khá thuận lợi. Nhật Bản nắm kê các ngư trường lớn và làm chủ nhiều vùng biển rộng. Đây là tiền đề để Nhật phát triển mạnh ngành nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản. Chính các ngư trường lớn và những vùng biển rộng đã cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến thủy sản. Giúp Nhật Bản hàng năm vừa giải quyết được nguồn thực phẩm, vừa xuất khẩu và thu về một số tiền khổng lồ.

Phải thừa nhận, Nhật Bản với thế mạnh kinh tế và khoa học kỹ thuật đã sở hữu hệ thống các phương tiện đánh bắt hiện đại, tiên tiến cùng hệ thống cảng biển chất lượng. Ngoài ra, dây truyền máy móc trong khâu bảo quản, chế biến thực phẩm cũng góp phần vào quyết định chất lượng sản phẩm của ngành nuôi trồng thủy sản. Bên cạnh việc



Nguồn: internet

đánh bắt và chế biến, ngành nuôi trồng thủy sản Nhật Bản ngày càng được chú trọng khi ý thức được sự khan hiếm dần của nguồn thủy sản tự nhiên, khi chỉ đánh bắt mà không có nuôi trồng. Các doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản ở Nhật đã và đang áp dụng những tiên bộ khoa học công nghệ cao vào chăn nuôi, chẳng hạn như sử dụng các robot thông minh. Đây là sự tiên bộ vượt trội khi vừa nâng cao năng suất, giảm thiểu công việc của con người ở những nơi, và những việc mà điều kiện lao động vất vả, nhiều rủi ro.

Nhật Bản nuôi cá hồi rất phổ biến, ở Tottori, sử dụng robot Nissui cho cá hồi ăn tự động nên đảm bảo cá hồi được ăn rất đều độ, khoa học, đầy đủ ngay cả trong điều kiện thời tiết rất xấu. Ngành thủy sản ở Nhật Bản tập trung phát triển theo chiều sâu nhằm tăng chất lượng tôm cá nuôi, giảm thiểu những tác động đến môi trường và cung cấp nguồn thủy sản tươi sống cho thị trường nội địa.

Việt Nam cần nghiên cứu, áp dụng phương pháp quy hoạch không gian phát triển bền vững ngành thủy sản, trong đó chú trọng quy hoạch theo phát triển hàng hóa, tập trung và quan tâm tới các ngành sản xuất và dịch vụ phụ trợ như: Sản xuất giống, thức ăn, chế phẩm sinh học và công nghệ chế biến, xuất khẩu thủy sản. Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích, thu hút lực lượng khoa học kỹ thuật, nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là các nguồn vốn từ các doanh nghiệp và các nhà đầu tư quốc tế, tăng khả năng cạnh tranh của ngành thủy sản.

Về kỹ thuật nuôi tôm, chúng ta cần học tập kinh nghiệm của các nước đối với các vùng nuôi tôm thẻ về các mô hình bán thâm canh, hạn chế thả mật độ dày. Mật độ thả tốt nhất cho các mô hình: truyền thống: 7.500-12.000 giống/ha/vụ; Bán thâm canh: 30.000-60.000 giống/ha/vụ; Thâm canh: 100.000-150.000 giống/ha/vụ và nuôi kết hợp: 1.500-9.000 giống/ha/vụ. Hoàn chỉnh, tái cấu trúc lại các tổ hợp tác theo hướng doanh nghiệp xã hội như của Indonesia để có thể tranh thủ sự đầu tư của các doanh nghiệp, chủ động trong kinh doanh và hoạch toán thu chi.

Cũng nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật, một số tỉnh ở nước ta đã gia tăng tổng sản lượng tôm nuôi (tôm sú, tôm thẻ) và cá chim, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu sang nhiều thị trường như: Nhật Bản, Mỹ, Úc, Canada, Hồng Kông, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ... Theo các chuyên gia, với nguồn lực nội tại, Việt Nam đã vươn lên

Top 4 quốc gia sản xuất và cung ứng thực phẩm thủy sản hàng đầu trên thế giới, với những mặt hàng có giá trị và uy tín cao như tôm, cá tra, cà nư; đồng thời, nằm trong Top 10 ngành hàng mang lại kim ngạch xuất khẩu lớn hàng năm cho đất nước. Sản lượng thủy sản đưa vào chế biến xuất khẩu và nội địa khoảng 4,5 - 5 triệu tấn; tiêu thụ dạng tươi, sống khoảng 2 triệu tấn. Trong thành tích chung đó, khoa học và công nghệ đã góp một phần không nhỏ, giúp duy trì năng lực nuôi trồng, chế biến, cung cấp đa dạng thủy sản cho thế giới và trong nước.

Nhà nước cần ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư vào nông nghiệp, nhất là lĩnh vực nuôi trồng thủy sản công nghệ cao một cách cụ thể và thiết thực, đặc biệt chính sách hỗ trợ tiền thuê đất của dân, kinh phí chuyên giao công nghệ cho các doanh nghiệp đầu tư nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, chi phí đào tạo lại cho nông dân và truyền thông xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, hỗ trợ các doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển được tham gia vào các dự án khoa học công nghệ bình đẳng như các cơ sở nghiên cứu công. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn cho phù hợp với quá trình tái cấu trúc sản xuất nông nghiệp, trong đó ưu tiên lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư thành lập trung tâm, viện nghiên cứu, tham gia thực hiện các nhiệm vụ có hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước như các đơn vị nghiên cứu công lập.

Hình thành mối liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp với những tổ chức công nghệ để thúc đẩy quá trình nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng thủy sản công nghệ cao. Khuyến khích và có cơ chế hỗ trợ nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ tiên tiến để đổi mới công nghệ của doanh nghiệp. Đầu tư công nghệ cao cần tập trung vào nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị của sản phẩm thủy sản. Tập trung vào các sản phẩm xuất khẩu và các sản phẩm thay thế nhập khẩu, các sản phẩm Việt Nam có thế mạnh. Đây mạnh phát triển công nghệ sau thu hoạch, tạo ra những ưu thế so sánh nhất định. Có như vậy mới nâng cao được giá trị gia tăng của sản phẩm, mang lại lợi nhuận cao về cho đất nước, cho doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản.

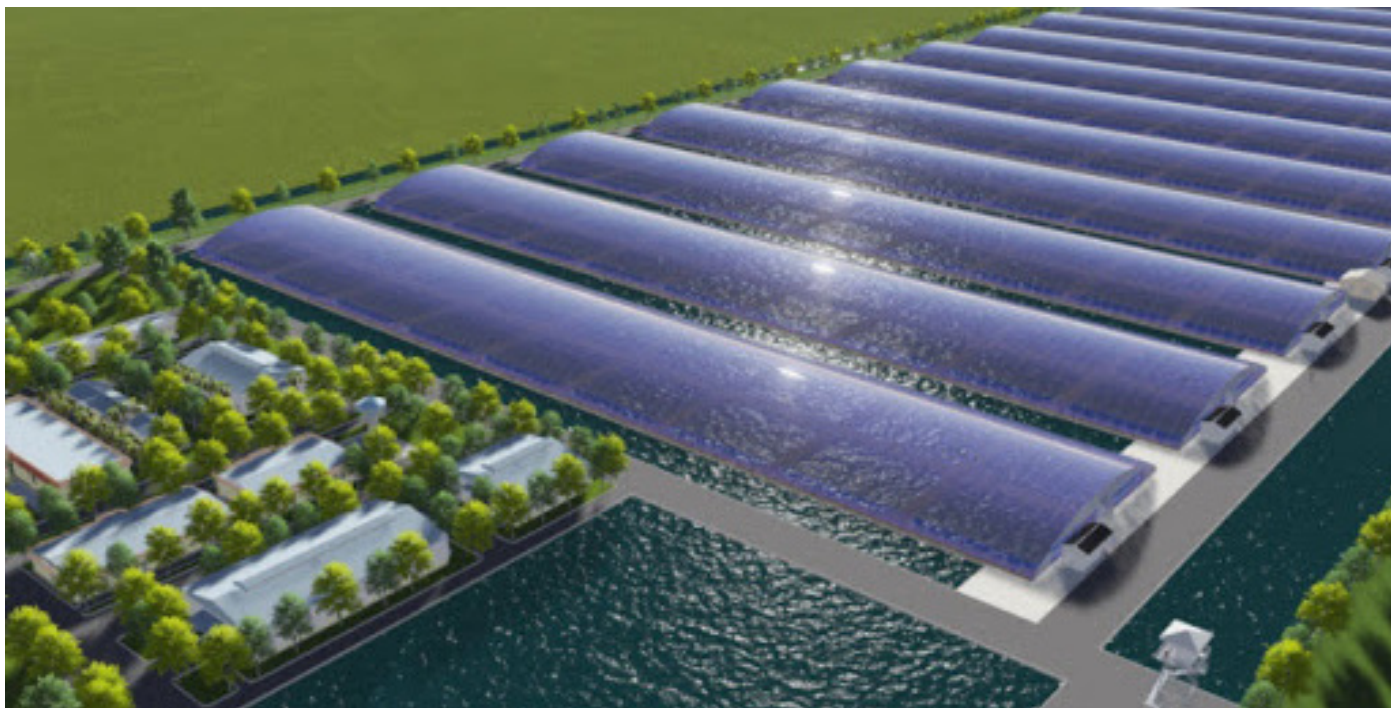
Xây dựng các mô hình trình diễn, đào tạo, giới thiệu, thông tin tuyên truyền nhân rộng các mô hình điển hình ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản gắn với bảo vệ môi trường có ý nghĩa hết sức quan trọng, mang tính thuyết phục cao khi người nông dân được tận mắt nhìn thấy những kết quả sản xuất thủy sản qua việc áp dụng các tiên bộ kỹ thuật mới. Từ đó họ tin tưởng và tự quyết định làm theo. Mô hình còn thu hút nhiều nông dân ở những nơi khác đến tham quan, học tập và áp dụng. Ngoài nâng cao năng suất, tăng chất lượng thủy sản, những chỉ số về môi trường, dịch bệnh cũng cần được chú trọng khắc phục.

Cần tiếp tục tổ chức các chương trình chuyên giao công nghệ, cập nhật mô hình sản xuất tiên tiến, giới thiệu giải pháp kỹ thuật, giúp người nông dân từng bước chuyển đổi mô hình sản xuất vốn phụ thuộc nhiều vào thời tiết, khí hậu sang những mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản gắn với bảo vệ môi trường. Đồng thời liên kết với doanh nghiệp nhằm đảm bảo đầu vào và đầu ra thuận lợi.

Thời gian tới, chúng ta tập trung đầu tư, áp dụng công nghệ hiện đại của các nước tiên tiến trên thế giới vào phát triển nuôi trồng thủy sản chất lượng cao; xây dựng thương hiệu tôm, cá ở những vùng nuôi trồng trọng điểm của đất nước. Đồng thời tiếp tục nâng cao nhận thức, phát huy tính sáng tạo trong triển khai và cụ thể hóa các chính sách, huy động và phát huy nguồn lực để phát triển kinh tế thủy sản toàn diện các lĩnh vực nuôi trồng, khai thác, chế biến và dịch vụ hậu cần thủy sản, theo hướng công nghiệp, sản xuất hàng hóa tập trung, phục vụ cho du lịch, dịch vụ cao cấp, theo đúng quy hoạch phát triển ngành thủy sản của Chính phủ.

CHÍNH SÁCH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO Ở NƯỚC TA

TS. Chu Thái Thành



Nguồn: internet

Yêu cầu của Chính phủ trong phát triển thủy sản là ứng dụng mạnh mẽ những thành tựu khoa học công nghệ trong nước và trên thế giới, đưa ngành nuôi trồng thủy sản nước ta trở thành một ngành sản xuất hàng hóa, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao trong hội nhập kinh tế quốc tế, trên cơ sở phát huy lợi thế của một ngành sản xuất - khai thác tài nguyên tái tạo, lợi thế của nghề cá nhiệt đới ở nước ta.

Thành tựu khả quan nhờ ứng dụng khoa học công nghệ

Nước ta có hệ thống sông ngòi dày đặc và có bờ biển dài, rất thuận lợi phát triển hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản. Sản lượng thủy sản Việt Nam đã duy trì tăng trưởng liên tục trong nhiều năm qua với mức tăng bình quân là 9,07%/năm. Theo số liệu của Tổng cục Thủy sản, tổng sản lượng thủy sản, sản xuất năm 2020 đạt hơn 6,9 triệu tấn. Trong khai thác thủy sản, nhiều mô hình liên kết tổ chức sản xuất đã xuất hiện như chuỗi liên kết khai thác và chế biến cá ngừ đại dương. Các công nghệ khai thác hiện đại, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong khai thác và bảo quản chất lượng sản phẩm đã được ứng dụng trong thực tiễn để nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản. Nhờ sản lượng thủy sản ngày càng tăng, đã góp phần thúc đẩy ngành chế biến phục vụ cho xuất khẩu. Sản phẩm thủy sản được xuất khẩu sang 164 nước và vùng lãnh thổ. 3 thị trường chính là EU, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản... chiếm trên 54% tỷ trọng. Ở khu vực Đông bằng sông Cửu Long, đã hình thành một số công ty quy mô lớn, công suất các

nhà máy lớn tăng nhanh, vượt xa tốc độ tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu.

Tháng 9 năm 2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức hội nghị sơ kết Chương trình Mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và lấy ý kiến xây dựng chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tại hội nghị, các đại biểu đến từ 28 tỉnh, thành phố ven biển và 5 tỉnh Tây Nguyên đã có những góp ý cụ thể đối với Chiến lược phát triển thủy sản. Đại diện các địa phương đề nghị cần xây dựng chiến lược một cách khoa học, có căn cứ, trên cơ sở tổng kết thực tiễn phát triển kinh tế thủy sản thời gian qua, từ đó mới đề ra các mục tiêu, định hướng, giải pháp thực hiện chiến lược; đồng thời, cần phân tích làm rõ nguồn lực để đầu tư, việc tổ chức lại sản xuất, phát triển chuỗi liên kết để phát triển bền vững, giải pháp đột phá để thực hiện.

Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt số 1434 ngày 22/9/2017. Mặc dù nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực thủy sản trong giai đoạn này còn nhiều hạn chế nhưng kết quả thực hiện đầu tư cơ bản đã đạt được các mục tiêu chương trình đề ra. Cụ thể, tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản bình quân hàng năm đạt 6% (đạt theo kế hoạch). Trong hoạt động chế biến thủy sản, trước đây chủ yếu chỉ chế biến các sản phẩm dạng đông, nhưng hiện nay tỷ lệ sản phẩm giá trị ngày càng tăng, đến nay ước đạt khoảng 35%. Các sản phẩm sushi, sashimi, surimi, chế biến sâu đã có

mặt ở hầu hết các nhà máy chế biến xuất khẩu. Một xu hướng mới hiện nay là chế biến phụ phẩm đạt hiệu quả cao, mang lại lợi ích kinh tế lớn và giảm thiểu tác động đến môi trường. Nhiều nhà máy đã nghiên cứu nhập dây chuyền công nghệ đồng bộ chế biến phụ phẩm cá để sản xuất dầu cá và bột cá chất lượng cao.

Xu hướng này đòi hỏi phải ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nuôi trồng thủy sản. Nhờ vậy, việc chuyên giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực thủy sản ở nước ta trong thời gian qua có bước chuyên biến đáng kể, thông qua các chương trình hỗ trợ đầu tư đồng tàu cá xa bờ và các dự án khuyến ngư. Nhiều tàu cá đã có các thiết bị điện tử hàng hải, máy thu dây, thu lưới và các thiết bị thông tin liên lạc. Một số kỹ thuật, công nghệ sơ chế, bảo quản sản phẩm thủy sản đã bước đầu được nghiên cứu, chuyên giao, ứng dụng vào thực tế của ngành khai thác thủy sản. Hầu hết các kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết bị tiên tiến trong nuôi trồng thủy sản trên thế giới đều đã được nghiên cứu, chuyên giao, ứng dụng tại Việt Nam.

Mặc dù có nhiều tiến bộ trong hoạt động chuyên giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào khai thác và nuôi trồng thủy sản ngày càng được đổi mới, nhưng đội tàu khai thác hải sản, các cơ sở sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản của nước ta vẫn bấp bênh, chưa ổn định, chưa phát triển theo hướng công nghiệp, hiện đại. Chẳng hạn, những ngày gần đây, dư luận rất quan tâm đến chất lượng của nhiều tàu vỏ thép đóng mới theo Nghị định 67 của Chính phủ ở nhiều

địa phương không đảm bảo. Điều này không những gây ảnh hưởng đến hoạt động đánh bắt và khai thác thủy sản, mà còn tác động xấu đến niềm tin của công luận đối với một số cơ quan chức năng. Ngành thủy sản vẫn sử dụng nhiều lao động, năng suất còn thấp, tổn thất sau thu hoạch vẫn còn cao. Vẫn còn rủi ro dịch bệnh, mất an toàn thực phẩm và tác động tiêu cực đến môi trường. Điều này dẫn đến sản xuất thủy sản ở nước ta đạt hiệu quả chưa cao, thiếu bền vững và không ổn định. Một trong những nguyên nhân cơ bản của các tồn tại, hạn chế nêu trên là do chậm đổi mới công nghệ.

Chính sách phát triển thủy sản công nghệ cao

Về chính sách đầu tư và tín dụng: Ngân sách trung ương đầu tư 100% kinh phí xây dựng cảng cá loại I, đầu tư 100% kinh phí xây dựng hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên biển... Chủ tàu được vay vốn ngân hàng thương mại tối đa 95% tổng giá trị đầu tư đóng mới với lãi suất 7%/năm, trong đó chủ tàu trả 1%/năm, ngân sách nhà nước cấp bù 6%/năm (đồng tàu vỏ thép). Có cơ chế xử lý rủi ro. Có chính sách cho vay vốn lưu động (lãi suất cho vay là 7%/năm trong năm đầu tính từ ngày ký kết vay).

Chính sách bảo hiểm và ưu đãi thuế: hỗ trợ hàng năm kinh phí mua bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ trên mỗi tàu (bảo hiểm mọi rủi ro) với mức 90% kinh phí mua bảo hiểm đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên... Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước sử dụng cho hoạt động nuôi trồng thủy, hải sản của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; miễn thuế môn bài đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá...

Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo hướng dẫn thuyền viên vận hành tàu

vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới; hướng dẫn kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên. Hỗ trợ chi phí vận chuyển hàng hóa từ đất liền ra tàu khai thác hải sản xa bờ và vận chuyển sản phẩm hải sản khai thác xa bờ về đất liền cho các tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên; Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/chuyên biên đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV đến 800CV; từ 60 triệu đồng/chuyên biên đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 800CV trở lên; hỗ trợ tối đa 10 chuyên biên/năm.

Chủ tàu tự quyết định việc vay vốn, lựa chọn mẫu tàu, máy móc trang thiết bị, ngư lưới cụ, cơ sở đóng tàu để đầu tư đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản và tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ. Hoàn trả vốn vay và lãi vay để đóng mới tàu khai thác hải sản và tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo đúng quy định của pháp luật. Quyết định mức và thời hạn vay thấp hơn quy định...

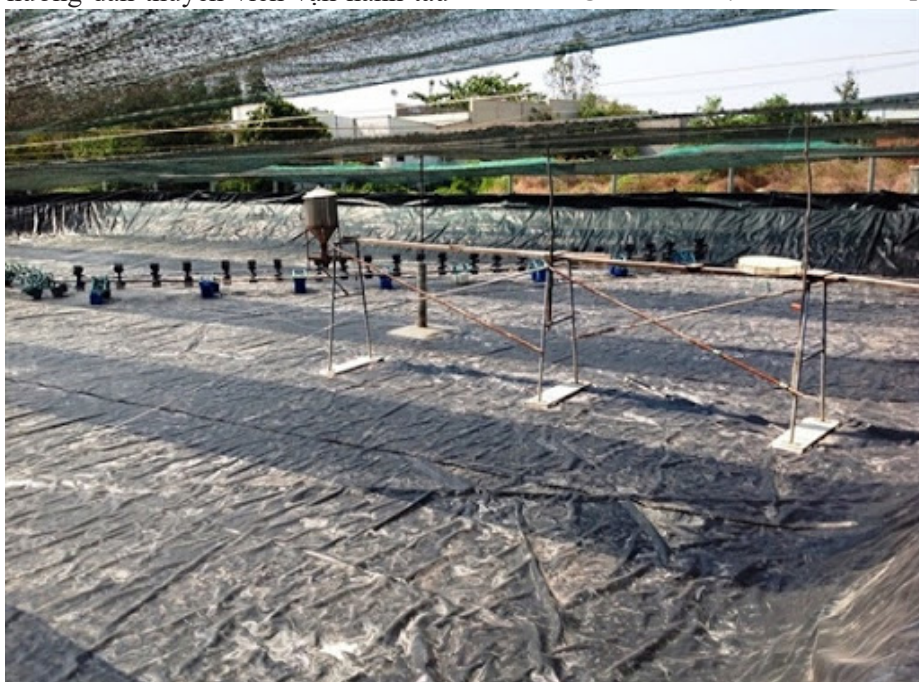
Đối với nuôi trồng thủy sản: thu hút mạnh đầu tư từ các doanh nghiệp, phát triển các mô hình tổ chức kinh tế hợp tác, liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp chế biến tiêu thụ và người nuôi. Xây dựng các vùng nuôi công nghiệp sản xuất hàng hóa lớn. Đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật, các biện pháp quản lý tiên tiến (GAP, BMP, CoC) vào các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung để tăng năng suất, sản lượng và đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, tạo ra nguồn nguyên liệu lớn cung cấp cho các nhà máy chế biến. Xây dựng và đẩy mạnh việc kiện toàn hệ thống thú y thủy sản từ trung ương đến địa phương.

Đối với khai thác thủy sản và bảo vệ nguồn lợi thủy sản: thành lập

các đoàn tàu công ích hoạt động trên 4 ngư trường trọng điểm: Vịnh Bắc bộ, Biển Đông, Đông Nam bộ và Tây Nam bộ để hỗ trợ các tổ hợp tác, hợp tác xã khai thác thủy sản sản xuất hiệu quả. Tổ chức các mô hình dịch vụ khai thác trên biển theo hướng khuyến khích các thành phần kinh tế thành lập các đội tàu cung ứng dịch vụ hậu cần, mua gom sản phẩm cho các tàu khai thác xa bờ. Các đoàn tàu công ích cùng các đội tàu hậu cần dịch vụ của các thành phần kinh tế hoạt động trên biển sẽ hình thành nên thị trường các sản phẩm dịch vụ nghề cá và các sản phẩm hải sản khai thác trên biển, tạo cơ hội, điều kiện cho lao động nghề cá có thể đi biển dài ngày, nâng cao hiệu quả khai thác hải sản cho cộng đồng ngư dân. Tổ chức tốt thông tin liên lạc, cảnh báo thiên tai kịp thời cho ngư dân trên biển, bảo đảm an toàn đi biển, tổ chức ứng cứu kịp thời khi có rủi ro. Tổ chức lại, củng cố, xây dựng mới phát triển lĩnh vực cơ khí đóng sửa tàu thuyền, sản xuất ngư lưới cụ trên các vùng ngư trường trọng điểm.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác xúc tiến thương mại để củng cố và phát triển các thị trường truyền thống, các thị trường lớn (EU, Nhật, Mỹ) và phát triển mở rộng các thị trường Đông Âu, Trung Đông, Trung Quốc, Hàn Quốc... Phát triển, mở rộng thị trường nội địa phục vụ du lịch, các đô thị, khu dân cư lớn. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại cho các sản phẩm thủy sản ở các thị trường trọng điểm (triển lãm, hội chợ, tuyên truyền, quảng cáo...). Nâng cao năng lực trao đổi, tiếp cận với thông tin thị trường, thương mại thủy sản cho các doanh nghiệp, các cán bộ quản lý và người sản xuất. Có chính sách ưu tiên đối với đào tạo nguồn nhân lực hoạt động nghề cá trên biển; đặc biệt các cán bộ khoa học về nguồn lợi, khai thác, cơ khí, đăng kiểm tàu cá. Gắn kết giữa phát triển nguồn nhân lực với bố trí dân cư và xây dựng làng cá ven biển.

Vấn đề then chốt là: **Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nuôi trồng thủy sản.** Thời gian qua, nhiều địa phương, doanh nghiệp đã mạnh dạn đầu tư trang thiết bị hiện đại, ứng dụng khoa học và công nghệ vào nuôi trồng, chế biến, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Thời gian tới, Chính phủ và các bộ, ngành cần thúc đẩy, hỗ trợ nhiều hơn nữa cho việc ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin vào hoạt động trong nuôi trồng thủy sản. Đặc biệt là, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam, giúp người nuôi trồng thủy sản tiếp cận nhiều hơn với công nghệ thông tin, phục vụ nhu cầu tìm hiểu thông tin (kỹ thuật nuôi, giá cả và thông tin thị trường), kết nối thị trường (trao đổi hàng hóa, mua sắm thiết bị, công nghệ), trao đổi kinh nghiệm; triển khai sàn giao dịch điện tử cho con giống... nhằm phát triển mạnh mẽ nuôi trồng thủy sản công nghệ cao ở nước ta.



Nguồn: internet

NUÔI CUA BIỂN CÔNG NGHIỆP, BÁN CÔNG NGHIỆP

Nam Hạ



Cua biển nguồn: internet

Trong những năm gần đây mô hình nuôi cua biển các tỉnh ven biển nói chung chủ yếu được nuôi theo hình thức nuôi quảng canh cải tiến kết hợp tôm sú - cua - cá. Mô hình này cua biển được thả nuôi mật độ dày, tỷ lệ sống của cua biển thấp, chính vì vậy nên năng suất và hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi cua biển thương phẩm này chưa cao và chưa đủ đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Sau đây là quy trình nuôi cụ thể:

Chọn địa điểm nuôi: (áp dụng cho cả 3 giai đoạn): Ao nuôi cua có nguồn nước dồi dào và dễ cấp thoát nước. Nền đáy ao, đầm nên là loại đất thịt pha sét hay cát, không quá nhiều bùn nhão. Đất và nước ít bị nhiễm phèn, pH nước từ 7,5 - 8,5; độ mặn từ 10 - 30‰ và nhiệt độ từ 25 - 35°C. Ao nuôi tốt nhất nên có diện tích từ 2.000 m² - 5.000 m², độ sâu 1,5 - 1,8 m với bờ có chiều rộng đáy tối thiểu 4m, mặt 2 - 3 m và cao 1 - 1,5 m và cao hơn mức triều cường ít nhất 0,5 m. Tránh lấy nước trong vùng có dịch bệnh, nước có hiện tượng phát sáng vào ban đêm, nước có nhiều váng bọt, màng nhầy, có nhiều phù sa đen lơ lửng. Không lấy nước khi thủy triều đang lên, nên lấy nước khi nước bắt đầu bình để hạn chế đưa các chất phù sa lơ lửng vào ao. Kiểm tra các yếu tố môi trường: pH: 7,5 - 8,5, độ kiềm: 100 - 120 mg/l, độ mặn: 10‰ - 30‰.

Nuôi cua giai đoạn 1: Là mô hình nuôi cua giống kích cỡ hạt tiêu lên đến kích cỡ mặt đồng hồ (loại từ 0,012 g/con đến 20 - 30 g/con)

Hiện nay cua giống cung cấp cho người nuôi chủ yếu từ nguồn sản xuất giống nhân tạo nên chọn giống ở những cơ sở có uy tín, con giống phải đồng cỡ, đồng màu, có phản ứng nhanh lẹ, các phụ bộ đầy đủ. Khi vận chuyển cua giống nên cho vào khay nhựa loại 20 x 40 cm có lót cỏ và giá thể. Mỗi khay nhựa 20 x 40 cm có thể vận chuyển 1000 con. Mật độ thả từ 10 - 15 con/m². Thời gian thả nên tiến hành thả giống lúc sáng sớm hoặc chiều mát, trước khi thả nên thuần cua thích hợp với nhiệt độ và độ mặn của ao nuôi. Thức ăn cho cua giai đoạn 1 là thức ăn công nghiệp loại sử dụng cho tôm sú có hàm lượng đạm từ 40 - 42%. Cho ăn 2 lần /ngày lúc sáng sớm và chiều mát. Dùng sàng ăn để kiểm tra khả năng bắt mồi và sức khỏe cua (có thể bỏ từ 2-3% lượng thức ăn trong cữ ăn vào sàng ăn và kiểm tra sàng sau 1,5 - 2 giờ). Bổ sung khoáng chất, dinh dưỡng và vitamin C, tòi tươi với liều lượng 5 -10g/kg thức ăn để giúp cua tăng sức đề kháng và tăng trưởng tốt.

Định kỳ 10 -15 ngày thay 20 - 30% lượng nước trong ao nuôi, sau 1 - 2 ngày tiến hành diệt khuẩn bằng Iodine hoặc BKC (liều lượng tùy theo từng dòng sản phẩm) sau khi diệt khuẩn 2 - 3 ngày tiến hành cấy vi sinh và bón vôi CaCO₃ 10 - 15 kg/1000 m³ để cải tạo đáy ao giúp tăng cường vi sinh có lợi phát triển và ổn định các yếu tố môi trường. Cua sau khi nuôi 30 - 40 ngày tuổi của đạt trong lượng từ 20 - 30 g/con tiến hành thu cua giai đoạn 1. Nuôi cua giai đoạn 2: Loại từ 20 - 30

g/con lên 70 - 80 g/con

Hiện nay cua giống từ người nuôi của giống giai đoạn I bán lại hoặc thu của giống ở ao nuôi giai đoạn I tiếp tục sang ao thưa hơn để nuôi giai đoạn 2. Loại cua 20 -30g vận chuyển khó hơn giai đoạn 1 nên người nuôi phải vận chuyển đúng quy cách để tránh hao hụt. Cua thu tiến hành cho vào thùng xốp có lót cỏ và giá thể sau khi cho cua vào tiến hành dùng thảm thấm nước để sát cố định vị trí cua tại chỗ tránh chúng tấn công với nhau. Mỗi thùng xốp 50 x 100 cm có thể vận chuyển 100 con. Mật độ thả từ 3 - 5 con/m² đối với nuôi cua giai đoạn 2. Nuôi cua giai đoạn 3: Loại từ 70 - 80 g/con đến cua thịt: Nguồn cua giống nuôi giai đoạn 3 chủ yếu từ người nuôi của giống giai đoạn 2 bán lại hoặc thu của giống ở ao nuôi giai đoạn 2 tiếp tục sang ao thưa hơn để nuôi giai đoạn 3. Loại cua 70 g vận tương tự như vận chuyển cua giai đoạn 2. Mỗi thùng xốp 50 x 100 cm có thể vận chuyển 50 con. Mật độ thả từ 1 - 2 con/m² đối với nuôi cua giai đoạn 3. Để tránh tình trạng cua bắt cặp sớm, lên gạch khi chưa đạt kích cỡ thương phẩm và cua ăn thịt lẫn nhau thì nên thả cua theo tỷ lệ 10 cua cái : 3 cua đực.

Thức ăn cho cua giai đoạn 3 là thức ăn tươi sống như cá tạp, nhuyễn thể hai mảnh vỏ... Khẩu phần ăn cho cua giai đoạn 3 loại (70 - 80 g/con) đến cua thịt là 2 - 3% trọng lượng thân, cho ăn 1 lần /ngày lúc chiều mát.

Trong các mô hình nuôi trồng thủy sản thì mô hình nuôi cua biển thương phẩm được xem là loài ít bệnh tật nhất so với tôm, cá. Tuy nhiên, cũng có nhiều trường hợp cua bị bệnh do một số yếu tố môi trường, vì vậy, để đảm bảo cho đàn cua phát triển tốt thì phương pháp phòng bệnh hữu hiệu vẫn là thường xuyên thay nước, diệt khuẩn, cấy vi sinh và vôi định kỳ để ổn định các yếu tố môi trường, cho ăn đủ về số lượng và và chất lượng bằng cách bổ sung thêm vitamin C, khoáng chất, tòi tươi xuyên suốt quá trình nuôi để tăng cường sức đề kháng và khả năng tăng trưởng của cua biển nhằm giúp cho người nông dân đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất khi thực hiện mô hình nuôi cua biển CN-BCN 3 giai đoạn sử dụng chế phẩm sinh học.

NUÔI HẢI SÂM - HƯỚNG ĐI PHÁT TRIỂN

Trùng Dương - Đăng Khoa

Hải sâm là một loại hải sản có giá trị về dinh dưỡng cũng như là về kinh tế có giá trị cao, do đặc tính sống ở vùng nước nông, di chuyển chậm nên những năm trở lại đây loài hải sản này đang bị khai thác với cường độ cao và có nguy cơ tuyệt diệt. Nghề nuôi hải sâm mặc dù mới xuất hiện nhưng bước đầu đã mang lại hiệu quả khá cao cho người nuôi, từng bước hạn chế tình trạng khai thác cạn kiệt nguồn lợi hải sản này và góp phần vào bảo vệ môi trường tự nhiên. Đặc điểm của Hải sâm là loài nhuyễn thể sống ở đáy những vùng nước nông. Hải sâm là nguồn thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao và được sử dụng trong lĩnh vực y học. Nghề nuôi hải sâm, ngoài lợi ích kinh tế, còn góp phần cải tạo môi trường sinh thái tự nhiên trong các ao nuôi hải sản. Nuôi hải sâm bố mẹ cần Chọn hải sâm khai thác tự nhiên, khỏe mạnh, không trầy xước, có trọng lượng > 250g/con đưa vào nuôi trong các đăng trên biển hoặc ao đất với mật độ 1 con/m². Môi trường nuôi đảm bảo độ mặn > 25‰, thời gian nuôi từ 4- 8 tháng. Do khó khăn về việc phân biệt cá thể đực, cái, mỗi đợt sinh sản cần chọn 30- 40 con để kích thích cho đẻ. Rửa sạch hải sâm trước khi chuyển vào bể đẻ và sục khí 24/24 giờ. Phương pháp kích thích đẻ là sốc nhiệt với nhiệt độ tăng thêm 4- 6 độ C, kết hợp với tia cực tím. Ngoài ra có thể kích thích hải sâm đẻ bằng phương pháp sốc nhiệt phối hợp với tảo khô. Trước khi đẻ, hải sâm có dấu hiệu lặn và chuyển động không ngừng. Con đực phóng tinh trước bằng cách lắc lư và mở phân trước. Sau khi kích thích vài giờ, con đực phóng tinh; con cái bị kích thích bởi con đực và đẻ trứng sau khoảng 20- 30 phút, theo từng đợt ngắn và mạnh. Trứng thụ tinh với tỷ lệ khoảng 94% và rất ít xảy ra những bất thường trong phân chia tế bào. Sau đó thêm nước mới vào bể đẻ làm loãng mật độ trứng. Trứng được vớt ra khỏi bể ương bằng vợt, hoặc dùng ống xi phông hút trứng đã được thụ tinh cách đáy từ 1- 2cm, không hút trứng chìm dưới đáy bể. Lọc rửa trứng trong nước đã lọc qua sàng lưới và ấp ở nhiệt độ 27 độ C cho đến khi trứng nở. Để ương nuôi ấu trùng hải sâm thì cần đưa trứng sạch được chuyển vào bể ấp với mật độ từ 1- 2,5 trứng/ml. Sau khoảng 36- 40 giờ, trứng nở thành ấu trùng tiền Auricularia, Ấu trùng được chuyển vào bể ương với mật độ 0.3- 0.7 con/ml. Thức ăn của ấu trùng giai đoạn này là các loại tảo đơn bào. Ấu trùng tiền Auricularia biến thái thành ấu trùng hậu Auricularia, rồi ấu trùng Doliolaria. Sau 10- 15 ngày ấu trùng Doliolaria biến thái thành ấu trùng Pentactula chìm xuống đáy, bám vào vật bám. Thức ăn của ấu trùng bám là loại tảo đáy, tảo khô và thức ăn tổng hợp. Các yếu tố môi trường chủ yếu cần đảm bảo là độ mặn 30- 32‰, nhiệt độ nước 27- 30 độ C, pH 7,5- 8,5, sau 30- 45 ngày ấu trùng đạt kích thước 1-2mm thì mang ra thả giống. Giai đoạn ương nuôi từ lúc hải sâm còn là ấu trùng Pentactula đến khi đạt kích cỡ 30- 60mm, thường là 8- 10 tuần. Ấu trùng ăn Algamac 2000 hoặc các loại tảo cát có ở mặt đáy và dần đạt tới giai đoạn con giống. Hải sâm giống nuôi trong bể có hệ thống nước chảy. Thức ăn được bổ sung thêm tảo chết, tảo cát và tảo đã tán thành



Hải Sâm (nguồn: Internet)

bột. Khi hải sâm đạt kích thước 15- 20mm chiều dài thì cho ăn tảo đã tán thành bột và cở biển trộn với cát. Trong 3 tháng, hải sâm đạt kích thước vừa đủ để chuyển sang nuôi. Hải sâm giống có thể lớn nhanh, do đó cần phải phân loại kích cỡ. Tỷ lệ chết ở giai đoạn nuôi hải sâm giống có thể giảm tới mức dưới 25%, nếu được giám sát chặt chẽ.

Hải sâm giống được nuôi ở vùng có biển trong thời gian thủy triều rút, nhằm tái tạo quần đàn trong tự nhiên. Ở điều kiện thuận lợi hải sâm giống bố mẹ có thể đạt kích cỡ thu hoạch là 350g trong vòng 15- 18 tháng. Tuy nhiên, tăng trưởng của hải sâm còn phụ thuộc nhiệt độ nước và tính ổn định tầng đáy. Nuôi hải sâm nên kết hợp với nuôi tôm hùm. Hình thức nuôi như sau: Lồng nuôi thuộc dạng lồng găm cố định, diện tích 50m²/lồng. Lồng bằng trụ gỗ có lưới nhựa, hoặc nilông bao quanh, phía trên lồng có lưới chắn. Độ mặn của nước dao động từ 32- 33‰; pH: dao động từ 7,9- 8,2; Nhiệt độ nước: 28- 29 độ C; Độ sâu nước: khoảng 3,5- 4m (lúc thủy triều thấp nhất); Đáy lồng: là đáy cát. Vị trí đặt lồng nuôi ở nơi ít bị tác động của sóng, gió, nước ngọt đổ ra trực tiếp sau đó. Tiến hành thả giống tôm hùm, hải sâm với kích cỡ, số lượng như sau: Tôm hùm: 50 con, Hải sâm: 5.000 con. Trong quá trình nuôi, chỉ cho tôm hùm ăn, còn hải sâm không phải cho ăn do thức ăn của tôm hùm là các loại cá tạp, nhuyễn thể, cua ghe tươi có sẵn tại địa phương. Thức ăn trong ngày bằng 10% khối lượng tôm thả nuôi. Khi tôm còn nhỏ, thức ăn băm nhỏ, khi tôm lớn cho thức ăn vừa cỡ tôm (không phải băm nhỏ). Với tôm hùm: Hàng ngày kiểm tra, vớt thức thừa, nhặt vỏ tôm lột; kiểm tra lưới chắn, kịp thời vá những chỗ rách, vệ sinh lưới. Cần thường xuyên kiểm tra sức khỏe tôm để xử lý kịp thời sự cố. Với hải sâm: Định kỳ 10 ngày lặn 1 lần để kiểm.

CÁ CHÌNH NƯỚC NGỌT Ở VIỆT NAM

Phan Tú

Hiện tại, có một số nơi ở Việt Nam đã nuôi cá chình để làm thương phẩm, nhưng các nhà khoa học lại chưa tìm ra được phương pháp nào về cách nhân giống mà chủ yếu dựa vào nguồn giống trong tự nhiên. Chính vì đó, cá chình cho thấy đây là một động vật thực sự quý hiếm, cần được bảo vệ.

Chuẩn bị ao nuôi là kỹ thuật đầu tiên mà các bạn cần chú ý đến, trong việc nuôi cá chình của mình. Diện tích để nuôi cá chình từ 500 đến 1.000m², ao phải xây dựng và mức nước trong ao đảm bảo độ sâu, trung bình từ 1,8 đến 2,2m. Bờ ao phải cao hơn so với mặt nước của ao ít nhất là 60cm. Đất làm ao nuôi cá chình, là đất thịt pha cát và đất thịt pha với sét. Xung quanh ao, các bạn cần phải xây dựng hệ thống hàng rào chắn một cách kiên cố. Nguồn nước để cung cấp vào ao cá, cần phải qua túi lọc mịn và đạt chất lượng tốt, tốt nhất là bạn nên cho nước được xử lý qua thuốc tím từ 2 đến 4kg/1.000m³ trước khi cung cấp vào ao.

Cần gây tảo cần được để ổn định về chất lượng nước, đảm bảo về hàm lượng oxy trong ao. Để tảo phát triển, đảm bảo nước có màu xanh thì bạn nên thường xuyên tạt nước từ 2 đến 3 ngày một lần. Bên dưới ao, các bạn cần bố trí thêm các giá thể để cá có nơi trú ẩn, các giá thể này các bạn thể dùng bằng ống nhựa với kích thước có đường kính từ 0,8m x 114mm hoặc là căng những tấm lưới dây gân nhựa, với kích cỡ của mắt lưới 8 x 8cm. Tiếp đến, các bạn nên bố trí với tấm lưới có thể chiếm 1/4 phần diện tích của bề mặt ao, dọc theo chiều dài hoặc là chiều rộng và cách với bờ ao khoảng 0,5m, độ cao của lưới so với bề mặt đáy ao là 25cm, tấm lưới đây cần được căng cố định, thẳng bằng với cây cọc.

Để đảm bảo các bạn nên chọn mua cá giống ở những cơ sở ương giống từ giai đoạn cá con. Vừa đảm bảo an toàn về giống, vừa có thể sở hữu những con cá đã được trại ương họ tập luyện về cách sinh sống ngay từ nhỏ. Nó được thể hiện cá mạnh dạn với người hơn, tự do bơi lội trên mặt nước kiếm mồi và nhanh chóng bắt mồi tốt. Khi chọn có giống, nên lấy những con khỏe mạnh, da bóng, đều

cỡ, nhiều nhớt và không bị xây xát. Giống cá chình có 4 loại chủ yếu, nhưng đem lại giá trị cao về kinh tế thì lại chỉ có 2 loại đó là cá chình bông (cá chình hoa), cá chình nhớt (cá chình mun). Trong đó, cá chình công có hiệu quả về kinh tế cao

Khi chọn được giống, không nên vội thả giống cá vào ao, thả cá vào bể bạt với mực nước 0,8 đến 1m và bể bạt này cần được đặt tại vị trí thoáng mát, có kết hợp sục khí, tạo dòng chảy để cá có thể thích nghi. Cần phải sát trùng cá trước khi thả cá vào ao, bạn có thể dùng 1 hoặc 3 loại hóa chất sau tắm cho cá: Thuốc tím (KMnO₄) 1 – 3g/m³, Formol 1 – 3 ml/m³, Sulphat đồng (CuSO₄) 0,3 -0,5g/m³. Ngoài ra, cũng có thể ngâm cá vào trong dung dịch muối từ 15 đến 30%, từ 15 đến 30 phút. Mật độ thả cá: Nếu nuôi cá chình theo hình thức nuôi bán thâm thì cỡ cá nên thả từ 50 đến 100g/con. Mật độ trung bình nên thả cá từ 1con/m² đến 5con/10m². Nếu bạn nuôi cá chình theo hình thức thâm thì nên thả cá từ 25 đến 100g/con. Mật độ thả cá sẽ dao động từ 4 đến 10 con/m².

Có thể sử dụng hai loại chính là thức ăn tươi với thức ăn công nghiệp. Trong đó: Định lượng thức ăn cá tươi cho ăn mỗi ngày sẽ từ 5 đến 15% trong tổng

khối lượng của cá ở trong ao, còn thức ăn công nghiệp thì cho từ 3 đến 4 % với tổng khối lượng cá ở trong ao. Yêu cầu, khi thức ăn thả xuống ao thì sau 20 đến 30 phút số thức ăn đó phải được cá ăn hết; Định thời gian 1 ngày các bạn nên cho ăn 1 lần lúc thời gian mà nắng yếu, có thể cho ăn lúc 8 đến 9h sáng hoặc là 4 đến 5h chiều. Với thức ăn công nghiệp, trước khi cho ăn bạn nên bỏ ra 5 đến 10 phút để trộn đều thức ăn đây với nước theo tỷ lệ 1,5 lít nước với 1kg thức ăn; Định địa điểm, nghĩa là sàng cho ăn phải được đặt cố định. Sàng cho cá ăn phải là khung hình vuông, cũng có thể là tròn với kích thước 1.2 có cần lưới nylon. Việc đặt sàng thì cần ăn ở chỗ kín gió, chỗ tối.

Nước trong ao nuôi cá, cần phải tĩnh, mật độ thưa theo định kỳ, khi cần thay sẽ là 10% lượng nước ở trong ao trong 1 tuần và từ 3 đến 4 tháng, còn từ 5 đến 6 tháng sẽ là 20 đến 30

Cá cũng giống như nhiều loài vật nuôi khác, rất dễ mắc phải các bệnh nếu như không phát hiện và trị bệnh sẽ gây thất thoát. các loại bệnh dễ mắc như: Bệnh nấm thủy mi; Bệnh thối vây; Rận cá sống trên da, vây, xoang miệng và mang.



Nguồn: internet

KINH NGHIỆM NUÔI CÁ LỒNG, THU TIỀN TỶ MỖI NĂM

Nguyễn Tuyền

*Nguồn: internet*

Anh Nguyễn Văn Nha (SN 1987, thôn Vân Nghệ, xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên), một chàng trai trẻ dám nghĩ, dám làm và dám dấn thân. Đó là năm 2013, trong một lần sang Hải Dương chơi, anh Nha thấy mô hình nuôi cá lồng của anh Nguyễn Thế Phước (SN 1989, xã Nam Tân, huyện Nam Sách) cho thu nhập tốt, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Trong đầu anh Nha nảy ra suy nghĩ “tại sao Phước làm được mà mình không làm được”.

Sau nhiều đêm suy nghĩ, anh Nha đánh liều một phen, anh mạnh dạn xin phép bố mẹ đầu tư vốn, làm 3 lồng nuôi thử cá trên sông Hồng tại địa phương xem thế nào. Nào ngờ, chỉ sau vài tháng chăm sóc, cá lớn nhanh như thổi, ít dịch bệnh, cho thu nhập cao. Từ đó, anh Nha quyết tâm đi theo con đường làm giàu bằng nuôi cá lồng.

Anh Nha chia sẻ: “Khi mới bước vào mô hình nuôi cá lồng, tôi đã mời Phước về địa phương hướng dẫn cho cách làm lồng, cách chăm sóc. Sau vài tháng thì đàn cá phát triển mạnh, sức đề kháng tốt, thu nhập cũng khá nên tôi quyết định tiếp tục đầu tư, mở rộng số lượng lồng”.

Đến nay, anh Nha đã đầu tư hơn 1 tỷ đồng để làm 27 lồng cá với các kích thước 6x6x3m và 6x9x3,5m (mỗi lồng nuôi được khoảng 3 - 4 tấn cá thương phẩm). Toàn bộ khung lồng được làm bằng ống tuýp sắt mạ kẽm chống rỉ liên kết với các thùng phuy lớn rất chắc chắn.

Theo anh Nha, đối với những người nuôi cá lồng trên sông lớn, rủi ro cao nhất là do thiên tai, khi vào mùa bão lũ, nước chảy dễ gây ô nhiễm nguồn nước. Hộ gia đình nào thiệt hại ít thì vài chục triệu đồng, nhiều thì lên đến hàng trăm triệu đồng, cũng có khi mất cơ nghiệp.

Hiện tại, anh Nha chủ yếu nuôi cá chép giòn, cá lăng và cá diêu hồng. Cứ lứa này gổ lứa khác, anh Nha có cá bán quanh năm. Mỗi năm, anh bán ra thị trường khoảng 80 tấn cá các loại. Với giá bán 120 - 150 nghìn đồng/kg cá chép giòn, 80 - 100 nghìn đồng/kg cá lăng và 40 - 45 nghìn đồng/kg diêu hồng. Sau khi trừ tất cả chi phí, anh Nha thu lãi hơn 1 tỷ đồng/năm.

“Gia đình tôi nuôi cá chép giòn khoảng 6 - 8 tháng, cá lăng từ 14 - 16 tháng, cá diêu hồng từ 3 - 5 tháng

là cho thu hoạch. Cứ lứa này gổ lứa khác nên gia đình luôn đảm bảo được nguồn cung cho các nhà hàng trong và ngoài tỉnh. Tạo việc làm thường xuyên cho 4 lao động ổn định với mức thu nhập 4,5 triệu đồng/người/tháng.”- anh Nha bộc bạch.

Trao đổi với chúng tôi, ông Lê Quang Khắc, Bí thư đoàn xã Mai Động xác nhận: “Anh Nha là một trong những thanh niên trẻ rất năng động, có chí hướng làm giàu. Mô hình nuôi cá lồng của anh Nha đã thực sự đem lại hiệu quả kinh tế rất tốt cho gia đình, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương”.

Chia sẻ về kinh nghiệm chăn nuôi cá lồng, anh Nha cho hay: “Đối với giống cá chép giòn, người nuôi phải đặc biệt chú ý đến khâu thu hoạch. Do đây là loại cá rất hay bị vỡ cơ nên khi thu hoạch phải nhẹ nhàng, tránh tình trạng cá đâm nhau, vì khi cá bị vỡ cơ cá rất yếu và có thể chết. Còn với giống cá lăng và cá diêu hồng phải phòng bệnh tốt bằng cách buộc túi vôi bột xung quanh lồng, cho tắm muối để khử trùng, giảm thiểu bệnh nấm, dịch mắt đỏ ở cá. Cá giống nên mua ở các cơ sở đảm bảo”.

NUÔI TRAI LẤY NGỌC “ĐÁNH LIỀU” U70 “HÓT BẠC”

Bích Ngọc



Nguồn: internet

Ông Vũ Xuân Long (70 tuổi) tại xã Quảng Hợp (huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa), “đánh liều” nuôi traid nước ngọt lấy ngọc, thu lời hàng trăm triệu mỗi vụ, đem lại nguồn thu nhập ổn định cho gia đình. ông Long tâm sự: “Năm 1977, tôi xuất ngũ trở về địa phương. Được sự tin tưởng của Đảng bộ và sự tín nhiệm của nhân dân, tôi được bầu vào chức trưởng thôn Hợp Gia (xã Quảng Hợp). Trong suốt 20 năm “ăn cơm nhà thối tù và hàng tổng”, tôi nhận thấy trên địa bàn mình quản lý còn nhiều diện tích đất bỏ hoang, tôi quyết làm hồ sơ lên xã xin thâu lại diện tích 2 ha để cải tạo thành ao thả cá và trồng cây ăn quả”.

“Ban đầu gia đình tôi sử dụng 1.500 m² ao nuôi để thả 8.000 con traid giống

với giá mua 8.000 đồng/con, loại 0,8-1,4kg/con. Ngoài ra còn mua giàn phao, túi cước...chi phí đầu tư cũng khoảng 80 triệu đồng. Qua thời gian theo dõi, đánh giá từ các chuyên gia, số lượng traid nuôi lấy ngọc trong ao cho chất lượng hạt ngọc tốt...Đầu tháng 4 này, tôi sẽ cất bán những hạt ngọc traid đầu tiên, dự kiến cũng thu lời khoảng 500 triệu đồng

Thời gian nuôi thả traid cấy ngọc từ 2-3 năm tùy thuộc vào chất lượng nguồn nước ao nuôi và nhiệt độ thời tiết từng năm. Kỹ thuật ghép ngọc traid được thực hiện rất cẩn thận để traid sạch sẽ và không bị nhiễm khuẩn. Theo đó, kỹ thuật cấy ghép ngọc và nuôi dưỡng làm sao để traid không đào thải nhân ngọc, tỷ lệ traid ngậm nhân ngọc cao. Hiện, giá mỗi hạt ngọc traid loại trung bình trên thị trường bán từ 200.000-500.000 đồng, loại đẹp sẽ được tiêu thụ với giá lên tới 1 triệu đồng/hạt. Các sản phẩm hạt ngọc traid được tiêu thụ chủ yếu tại Ấn Độ, Nhật Bản, Hà Nội, TP HCM...”- Ông Long nói.

Nói về ý tưởng nuôi traid nước ngọt lấy ngọc, ông Long kể: “Xuất phát từ con traid tôi là Vũ Xuân Cường, có lần Cường đi ra tỉnh Ninh Bình và bắt gặp mô hình nuôi traid lấy ngọc đem lại hiệu quả kinh tế vượt trội hơn so với nuôi con cá, trồng lúa. Lúc đó, tôi “đánh liều” nuôi thử nghiệm 80 con traid lấy ngọc xem thế nào, sau một thời gian kiểm tra thấy traid lớn rất

nhANH, cho hạt ngọc sáng, đẹp...”.

“Việc chăm sóc traid lấy ngọc trong môi trường nước ngọt cũng không khó, chú ý mực nước nuôi trong ao có độ sâu từ 0,8-1,5m là tốt nhất, màu nước nuôi traid phải luôn ổn định màu xanh giống tàu lá chuối. Nuôi traid lấy ngọc cho giá trị kinh tế cao, mức độ tận dụng tối đa, ngoài sản phẩm chính là ngọc, vỏ traid còn được tận dụng làm các đồ thủ công mỹ nghệ. Thịt traid dùng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi. Nuôi traid lấy ngọc cũng làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước và có thể nuôi kết hợp với các loài thủy sản khác”- Ông Long bộc bạch.

Cũng trong một diện tích ao nuôi, ngoài việc nuôi traid lấy ngọc, ông Long còn thả các loại cá trắm, chim, mè...đây là hình thức “ở chung nhà” nuôi traid kết hợp với nuôi cá còn giúp cho không phải tiêu tốn thức ăn cho con traid vì đã có nguồn thức ăn sẵn có từ phân cá thải ra. Do đó, quá trình nuôi traid không phải mất bất kỳ chi phí nào để mua thức ăn.

Đồng thời, giống traid nuôi cấy ngọc vỏ đen có cánh có đặc tính không di chuyển mà chỉ nằm yên một chỗ nên không hề vẩn đục, ảnh hưởng đến môi trường sinh sống của cá. Hình thức nuôi xen canh traid lấy ngọc và cá đang giúp ông Long thực hiện nuôi kết hợp, nhằm lấy ngắn nuôi dài, bảo đảm nguồn thu nhập của gia đình.



Khu vực nuôi traid lấy ngọc của ông Long

NUÔI TÔM HÙM TRONG BỂ XI MĂNG BƯỚC ĐI MANG LẠI HIỆU QUẢ

Thanh Phương



Nguồn: internet

Tôm hùm là loài tôm có thành phần dinh dưỡng cao, giá trị kinh tế lớn ngày càng được người tiêu dùng ưa chuộng không chỉ ở trong và ngoài nước. Bởi vậy mà diện tích nuôi tôm hùm ngày càng được mở rộng, trong đó mô hình nuôi tôm hùm trong bể xi măng là mô hình đổi mới, đem lại năng suất cao, có thể đạt tới 5kg/m². Tỷ lệ sống của tôm hùm giống sau khi nuôi lên tới 80% và có thể kiểm soát được hầu hết các loại bệnh nguy hiểm gây chết hàng loạt trên con giống.

Khu vực nuôi tôm hùm phải luôn đảm bảo việc chủ động nguồn nước biển, do tôm hùm bông khi nuôi cần có độ mặn ổn định từ 30-50‰, nước dùng để nuôi tôm không được nhiễm các loại chất bẩn, chất thải công nghiệp cũng như các hóa chất độc hại khác tới môi trường nước. Trại nuôi tôm hùm phải được xây dựng tại nơi có vị trí thuận tiện về giao thông, dễ dàng trao đổi thông tin cũng như hợp tác nghiên cứu, cách tốt nhất nên bố trí trại nuôi tôm hùm gần nơi có sử dụng mạng lưới điện và gần vùng nguồn tôm giống phong phú để có thể tận dụng nguồn giống tại chỗ cũng như dễ dàng trong khai thác, vận chuyển. Vùng nuôi tôm phải đảm bảo có tính chất địa chất ổn định, không xảy ra sạt lở, địa hình bằng phẳng tiện cho việc cấp nước và xả nước đi một cách dễ dàng.

Thiết kế bể nuôi tôm hùm cần: Bể nuôi tôm hùm thường có diện tích đáy khoảng 100m², bể khuyến dùng hình tròn hoặc dạng hình vuông, đáy phải nghiêng 5% về phía ống thoát nước. Trong hệ thống nuôi tôm hùm có thiết kế bể lọc sinh học tuần hoàn và bể ly tâm. Ngoài ra phải có bể chứa nước, bể chứa nước đã lọc qua hệ thống sinh học tuần hoàn thường có thể tích từ 4-30m³. Nước được bơm trực tiếp từ nước biển vào bể chứa ngoài trời, sau đó xử lý tiêu diệt khuẩn, mầm bệnh bằng hóa chất chlorine, sau đó sục khí liên tục từ 48-72 giờ, tiếp là sục khí và kiểm tra cl dư thừa.

Khi đã xử lý xong nước đầu vào có thể bơm vào hệ thống bể nuôi tôm hùm, do sự chênh lệch thì nước có thể tự chảy từ bể nuôi tôm hùm về bể ly tâm để tham gia vào chu kỳ tuần hoàn của nước. Nên chọn mua tôm giống từ những trại tôm giống gần nhất, uy tín nhất, để tận dụng nguồn tôm giống tại chỗ. Khi vận chuyển tôm hùm giống từ trại giống về cơ sở nuôi cần phải vận chuyển hở và có sục khí liên tục, có thể sử dụng thùng xốp để vận chuyển. Mật độ thả nuôi tôm hùm khoảng 10con/m²

Thức ăn cho tôm hùm và cách cho ăn: Nuôi tôm hùm trong bể sử dụng chủ yếu là thức ăn công nghiệp, thức ăn dạng viên. Tuy nhiên, hiện nay thức ăn viên cho tôm hùm khá hiếm nên người nuôi phải sử dụng cá tạp để nuôi tôm hùm.

Với tôm hùm nuôi giai đoạn con giống thì thức ăn cần phải được sơ chế bằng cách lấy phần thịt của cá, ghe, sò... sau đó cắt nhỏ và rửa sạch bằng nước ngọt rồi tiến hành bỏ tủ đông để tôm hùm ăn thành nhiều lần. Tôm hùm nên cho ăn 3 cử /ngày, lượng thức ăn tùy thuộc vào từng giai đoạn, bà con nuôi tôm cần lưu ý, khi cho tôm ăn xong khoảng từ 1-2h đồng hồ cần vớt bỏ số thức ăn dư thừa, nếu còn, tránh ô nhiễm nguồn nước.

Quy trình quản lý và chăm sóc tôm: Hàng ngày người nuôi cần đo các yếu tố môi trường và thay nước định kỳ từ 15-30 ngày 1 lần, mỗi lần thay từ 50-70% nước cũ và bổ sung nước mới. Thường xuyên kiểm tra sức khỏe của tôm để có hướng giải quyết kịp thời nếu tôm bị bệnh hoặc có biểu hiện lạ tránh tình trạng thất thoát do tôm chết.

Thời gian thả nuôi và thu hoạch tôm: Tôm hùm được nuôi trong vòng từ 18-20 tháng, khi tôm đạt tới khối lượng từ 0.7-1.3 kg/con thì bà con có thể tiến hành thu hoạch, có thể thu những con lớn trước, con nhỏ sau hoặc thu hoạch toàn bộ để chuẩn bị cho vụ nuôi mới.

KỸ THUẬT NUÔI BA BA GAI, RỪA CÂM TRONG BỂ XI MĂNG VƯỜN LÊN LÀM GIÀU

Thanh Thảo



Rùa câm nuôi trong bể xi măng của bà con tại xã Thiệu Hợp

Xã Thiệu Hợp là địa phương thuần nông, diện tích đất trồng cây khiêm tốn. Ngoài cây lúa, trồng màu thì bộ phận lớn người dân trong độ tuổi lao động đi làm ăn xa. Do đó muốn phát triển kinh tế, người dân xã Thiệu Hợp phải tìm tòi, học hỏi nhiều nghề mới. Trong đó, nghề nuôi ba ba gai, rùa câm trong bể xi măng đang là hướng đi giúp nhiều hộ dân vươn lên làm giàu.

Bà Quán Thị Bình, trú tại thôn Quán Xá. Bà Bình cho biết: “Gia đình tôi đã có 10 năm nuôi ba ba gai, rùa câm trong bể xi măng rộng khoảng 150 m². Hiện tại, trang trại đang có 25 con ba ba gai sinh sản, mỗi con nặng gần 10 kg và 400 con ba ba gai giống, ba ba gai thịt, rùa câm giống, thương phẩm... Các loài này không đòi hỏi quá nhiều công chăm sóc. Tuy nhiên, để mang lại hiệu quả kinh tế cao cần phải áp dụng đúng kỹ thuật về ao, bể nuôi, chất lượng nguồn thức ăn cũng như tuân thủ quá trình tuyển chọn giống ba ba, giống rùa câm gặt gao. Trừ mọi chi phí mỗi năm gia đình cũng có lãi hơn 100 triệu đồng”.

Cùng với bà Bình, hộ bà Nguyễn Thị Định (trú tại thôn Quán Xá, xã Thiệu Hợp) cũng đã nuôi ba ba gai nhiều năm nay. Hiện tại, gia đình bà Định đang nuôi 300 con ba ba gai thương phẩm, sau 3 năm nuôi ba ba gai có hoạch toán thu khoảng 250 triệu đồng, trừ mọi chi phí năm còn lãi hơn 40 triệu đồng.

Nói về kinh nghiệm, kỹ thuật nuôi ba ba gai, Bà Nguyễn Thị Định chia sẻ: “Thức ăn của ba ba gai có thể cấp đông để trữ ăn dần bao gồm các loại cá tạp, ốc... Lượng thức ăn mỗi ngày dao động từ 3-5% trọng lượng của ba ba gai. Thời gian từ tháng 4 đến tháng 11 là lúc ba ba gai sinh trưởng nhanh nên cần chú ý cho ăn đầy đủ. Với thời tiết miền Bắc trong 3 tháng mùa đông, ba ba gai chỉ nằm dưới bùn mà không ăn”.

“Ba ba gai cái sau 4 năm tuổi đã bắt đầu đẻ, người nuôi phải chuẩn bị chuồng ấp trứng ba ba, nên chuồng được rải cát và đảm bảo nhiệt độ trung bình từ 28-32 độ C để tỷ lệ ấp nở trứng ba ba đạt cao. Ba ba gai mẹ mỗi năm đẻ 3 lứa, mỗi lứa trung bình khoảng 15-20 quả trứng và ấp hơn 60 ngày là nở. Giá bán ba ba gai giống hiện nay từ 150.000-200.000 đồng/con. Đối với ba ba gai thịt thương phẩm sau 3 năm nuôi, bình quân đạt trọng lượng 3-3,5 kg/con, giá

bán ba ba gai thịt là 500.000-600.000 đồng/kg”, bà Định thổ lộ.vv

Bà Định lưu ý, về ao, bể nuôi ba ba gai, rùa câm phải được xây dựng đúng chuẩn. Ba ba gai, rùa câm có thể nuôi trong bể xi măng hoặc trong ao, diện tích ao tùy thuộc vào mật độ thả nuôi, nhưng phải đảm bảo mật độ 0,5-2 con/m², độ sâu mực nước ao từ 1,5-2m, đáy ao cần xây dựng sao cho có độ nghiêng dần về cống thoát nước, góc ao nuôi ba ba phải có lối cho ba ba bò lên khu đất trồng để phơi nắng khi cần thiết.

Đồng thời, theo bà Định, người nuôi phải đảm bảo nước trong ao, bể xi măng nuôi ba ba gai luôn sạch. Vào mùa Đông nên chú ý để bèo nhiều giúp hút chất bẩn trong nước và che ấm cho ba ba. Vào mùa Hè thì vớt bớt bèo đi, tạo thông thoáng cho ba ba gai phát triển.

So với các loại con đặc sản khác, thì ba ba gai, rùa câm đem lại lợi nhuận hiệu quả kinh tế cao, vốn đầu tư vừa phải, hạn chế dịch bệnh, tận dụng được nguồn lực... Tuy nhiên, hiện nay cái khó của nuôi ba ba gai, rùa câm trên địa bàn xã là nguồn tiêu thụ không ổn định, giá cả bấp bênh, quỹ đất của địa phương không còn để các hộ dân mở rộng mô hình...”.



Nguồn: internet

NUÔI TÔM CÀNG XANH ĐEM LẠI HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO

Tri Đức

Hỏi:

Tôm càng xanh tự được phân bố chủ yếu ở đâu? Ở Việt Nam có phù hợp cho Tôm càng xanh Phát triển không?

Trả lời:

Tôm càng xanh phân bố tự nhiên ở vùng Châu Á – Thái Bình Dương như Ấn Độ, Sri Lanka, Bangladesh, Philippines, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Myanmar, Indonesia, Bắc Úc và cả Việt Nam. Sản lượng tôm càng xanh cũng được báo cáo tại nhiều nước như Nhật Bản, Đài Loan, Israel, và vài nước Châu Phi, Mỹ la tinh và Caribbean. Ngoài ra, một số loài có giá trị kinh tế phân bố ở phía Tây châu Mỹ và các vùng tiếp giáp Đại Tây Dương.

Hỏi:

Kỹ thuật nuôi tôm càng xanh như thế nào đem lại hiệu quả kinh tế cao ở Việt Nam

Trả lời:

Làm sạch dưới đáy ao, gia cố bờ ao (bằng bạt). Phơi đáy ao, công khoảng 10-15 ngày để diệt hết các mầm mống bệnh còn lưu lại trong ao. Cho nước sạch vào xả rửa đáy ao. Bón vôi nung giúp điều chỉnh độ pH đáy ao nuôi.

Chuẩn bị nước nuôi. Bơm nước sạch vào ao qua túi lọc bằng vải cotton dày 2 lớp, có chiều dài khoảng từ 8-10m, đường kính khoảng 0.6m. Mực nước ở trong ao cần đạt từ 1,0-1,2m. Tiếp đó tiến hành cài đặt hệ thống quạt nước dành cho ao nuôi. Với ao 2.000m² lắp 2 giàn quạt, khoảng 8-10 cái/dàn.

Chạy quạt khoảng 8-12 giờ/ngày để gây màu cho nước và tạo thức ăn tự nhiên trong ao nuôi. Kiểm tra độ pH, độ kiềm (pH: 7.0 - 8.5; kiềm = 20 ppm) và giữ ở mức ổn định theo kỹ thuật nuôi tôm càng xanh đề ra.

Diệt cá tạp bằng dây thuốc cá hay hạt bã trà. Dùng phân NPK hoặc DAP cùng với lượng 1 kg/1.000m² cho 1 ngày, sử dụng 2-3 ngày liên tục, sử dụng lúc nắng gắt. Sau khi dùng phân cần chạy quạt khoảng 2 giờ. Có thể sử dụng bột Tomboy 0 để gây màu nước cho ao nuôi với lượng 2 kg/1.000m² /ngày. Dùng liên tục 3-5 ngày trước khi thả

tôm nuôi. Thời gian gây màu nước từ 7-10 ngày.

Chọn và thả giống: Chọn giống tôm cần phải chọn tôm giống theo các tiêu chuẩn như sau: Nguồn gốc xuất xứ con tôm giống phải rõ ràng; Kích cỡ tôm giống đồng đều, tôm thon dài, hoạt động nhanh nhẹn. Cỡ tôm khoảng 70.000-100.000 con/kg. Chủ yếu là kiểm tra độ pH và độ kiềm, so sánh với nước trong trại tôm để giúp tránh gây sốc cho tôm giống. Nên thả tôm giống vào buổi sáng sớm hoặc chiều mát. Bạn đọc có thể tìm hiểu về cách nuôi tôm càng xanh giống sẽ giúp ích cho việc lựa chọn giống tôm hiệu quả.

Kỹ thuật nuôi tôm càng xanh khi chăm sóc và quản lý cần phải thường xuyên duy trì và theo dõi tôm trong ao để diệt trừ địch hại, hoặc cua còng đục khoét bờ ao. Nếu phát hiện có cá dữ thì sử dụng rế dây thuốc với lượng khoảng 0,1kg/100 m² ao sẽ không ảnh hưởng đến tôm càng xanh nuôi trong ao.



Nguồn: internet

NUÔI CÁ RÔ ĐỒNG MANG LẠI HIỆU QUẢ KINH TẾ

Mạnh Hà

Hỏi:

Đặc tính của cá rô đồng là gì?

Trả lời:

Cá rô là loài động vật ăn tạp. Chúng có thể ăn cả các loài động vật thân mềm, cá con và thực vật, kể cả cỏ. Chúng có thể ăn các chất hữu cơ và vô cơ được coi là “bẩn” trong nước. Nó có thể ăn lẫn nhau trong trường hợp đói. Vì vậy phân cỡ rất quan trọng. Cá rô đồng có nhiều ở các đồng ruộng khu vực phía Bắc tại những khu vực có nhiệt độ trung bình thích hợp cho sự sinh trưởng (từ 22 – 30 °C). Độ sâu sinh trưởng: – 0 m. Chúng được biết đến với khả năng di cư từ ao hồ này sang ao hồ khác bằng cách vượt cạn (cá rô rạch), nhất là trong mùa mưa và thông thường diễn ra trong đêm.

Hỏi:

Khi nuôi cá rô đồng cần áp dụng kỹ thuật như thế nào?

Trả lời:

Một số biện pháp kỹ thuật khi nuôi cá rô đồng: Cải tạo ao nuôi: Nếu đào ao mới, cần phải rửa phèn 2-3 lần, sau đó bơm cạn nước rồi rải vôi bột CaCO₃ liều lượng 20 kg/100 m². Phơi ao 2-3 ngày rồi cho nước vào đạt mức 1,5 m – 2

– Nếu sử dụng ao cũ thì cần phải vệ sinh ao: Làm cỏ xung bờ, bơm cạn nước, vét lớp sinh đáy chỉ chừa lại 10-20cm, rải rải vôi bột CaCO₃ liều lượng 15 kg/100 m². Phơi ao 3-4 ngày rồi cho nước vào đạt mức 1,5 m – 2 m.

2/ Thả giống: Nên chọn chọn mua con giống ở những trại giống có uy tín, con giống có nguồn gốc sinh sản nhân tạo và phải được lọc bỏ cá nhỏ. Không nên sử dụng con giống đánh bắt tự nhiên vì chất lượng sẽ không tốt.

– Mật độ nuôi: 50-60 con/m² , cỡ cá giống khoảng 180-200 con/kg.

3/ Thức ăn: Có thể sử dụng thức công nghiệp hoặc thức ăn tự chế (cá tạp + cám gạo). Cá rô đồng là loài cá ăn động vật nên để cá nuôi cần sử dụng thức ăn có độ đạm cao:

– Thức ăn công nghiệp: Sử dụng loại có độ đạm từ 25-30% trong suốt vụ nuôi.

– Thức ăn tự chế: 70-80% cá tạp + 20-30% cám gạo.

4/ Chăm sóc và phòng trị bệnh: Cá rô là loài cá có khả năng chịu đựng cao với một số yếu tố môi trường nuôi, nên khi nuôi cá ở mật độ thưa cho ăn đầy đủ và quản lý tốt môi trường nước bằng cách thay nước định kỳ 2-3 ngày/lần thì hầu như cá không bị bệnh.

NUÔI CÁ MÚ BIỂN TRONG LỒNG

Nguyễn Huyền

Cá mú con mới bắt ngoài biển được giữ tạm thời trong bể hoặc trong thùng cao 30cm có sục khí. Dùng các học lưới có kích cỡ mắt lưới khác nhau để phân loại cá thành các cỡ như sau: Hậu ấu trùng có kích cỡ nhỏ hơn 2,5cm; Cá bột nhỏ: 2,5 - 5cm; Cá bột lớn: 5 - 7,5cm; Cá giống nhỏ 7,5 - 10cm; Cá giống trung bình: 10 - 12,5cm.

Cá sau khi phân loại được tắm bằng nước ngọt từ 15 - 30 phút, Trước khi vận chuyển, cá cần dưỡng trong bể có chỗ trú ẩn và sục khí liên tục, không cho cá ăn 24 giờ trước khi vận chuyển. Dùng 2 bao nhựa Plastic vuông có đáy bằng để đóng cá. Đổ vào bao khoảng 8 lít nước biển sạch được làm lạnh ở nhiệt độ từ 20 - 22oC. Đóng cá với mật độ như sau: Cá khoảng 2,5cm, mật độ 100 - 150 con/lít nước; cá 5cm, mật độ 30 - 50 con/lít nước; cá 7cm, mật độ 10 - 15 con/lít nước. Cá vận chuyển đến chỗ nuôi tốt nhất vào thời điểm lúc sáng sớm hoặc chiều tối. Cân bằng nhiệt độ, độ mặn trong 10 - 15 phút trước khi thả cá. Nếu gặp chất lượng nước kém hoặc dòng chảy mạnh thì không thả cá vào lồng, cần lưu cá trong bể, khi gặp chất lượng nước tốt mới thả.

Lồng nuôi cá mú nên đặt ở chỗ nước trong, sạch, kín, ít sóng gió, ít chịu ảnh hưởng do dao động của thủy triều, không bị ô nhiễm. Nơi đặt lồng nuôi có độ sâu tối thiểu 3m. Tắm lại cá trong nước có pha kháng sinh từ 10 - 15 phút. Mật độ thả bình quân 25 con/m³ nước. Thức ăn chủ

yếu của cá mú là cá tươi tạp (tôm, cá, cua, ghẹ nhỏ...). Cho ăn hằng ngày bằng 3 - 10% trọng lượng cá. Cho cá ăn vào lúc sáng sớm và chiều tối. Nên cho thức ăn từ từ vào trong lồng để cho cá lao lên đón mồi. Cho thức ăn vào cho đến khi cá thôi lao lên thì dừng lại. Trước khi cho cá ăn cần bổ sung thêm 0,5% vitamin và khoáng premix vào cá mồi. Có thể thả 15 - 30 con cá đũa để cá ăn các loài rong tảo bám vào lưới. Định kỳ nên thay lưới lồng mới. Thường xuyên kiểm tra sức khỏe của cá, mức độ tiêu thụ thức ăn. Hàng tháng dùng vợt mềm phân kích cỡ cá nhằm cho cá lớn đều. Thời gian nuôi cá từ 4 - 7 tháng, cá đạt kích cỡ 0,4kg/con trở lên thì có thể thu hoạch. Lồng nuôi cá cần chuyển sang địa điểm mới sau 2 - 3 năm nuôi, để môi trường nuôi có điều kiện phục hồi.

Trước khi thu hoạch không cho cá ăn 1 - 2 ngày. Nâng lưới chậm để dồn cá về một góc. Dùng vợt có lưới mềm để bắt cá. Tránh làm trầy vảy hoặc tổn thương cá khi thu hoạch. Cá bắt lên cần tiến hành cân trọng lượng, nhốt trong bể có chứa nước sạch để cá nhả bớt chất bẩn. Sau đó cho cá vào bể sục khí, dùng túi nước đá hạ nhiệt độ xuống còn 20oC, sau đó đóng cá vào túi có chứa nước biển đã bơm Oxy. Thời gian vận chuyển không quá 8 giờ. Có thể dùng thùng nhựa có sục khí để vận chuyển cá hoặc dùng thuyền thông thủy có hệ thống nước tuần hoàn để vận chuyển cá sống đi nước ngoài.

NUÔI BÀO NGƯ VÀ NHỮNG KỸ THUẬT CẦN BIẾT

Hoàng Ngọc

Hỏi:

Bào ngư nuôi có dễ dàng hay không?

Trả Lời:

Cũng giống như những loài hải sản khác, việc chọn bào ngư giống có chất lượng, khỏe mạnh, không dị hình, độ bám khỏe,... Vì thế, bà con chỉ nên mua con giống ở những trung tâm uy tín để con giống không bị mang mầm bệnh. Điều kiện thích hợp thả nuôi: bào ngư là loài hải sản nước mặn nên nguồn nước phù hợp để nuôi bào ngư phải có độ mặn cao và ổn định trong khoảng 29-32‰, nhiệt độ thích hợp từ 18-30 độ C, pH từ 7.5 - 8.5, oxy hòa tan >5mg/l,... Có 3 mô hình nuôi bào ngư phổ biến nhất hiện nay là: nuôi lồng trong bể xi măng, nuôi lồng treo ngoài biển, nuôi thả đáy trên bãi đã (hoặc rạn san hô) dọc bờ biển.

Mô hình nuôi bào ngư trong lồng bể xi măng: Các bể xi măng để nuôi bào ngư thường có hình chữ nhật và có mái che nắng, có một học nhỏ để lọc nước biển chảy tuần hoàn. Các chỉ số môi trường trong lồng nuôi bào ngư gồm: độ mặn (30-35‰), pH (7.6-7.8), Oxy hòa tan (>5ml), nhiệt độ (26-30 độ C). Sử dụng các lồng nhựa hình chữ nhật (kích thước: 50cm x 40cm x 30cm) để nuôi bào ngư bằng cách treo trong bể hoặc xếp chồng lên nhau cách đáy 20cm.

Mô hình nuôi bào ngư trong lồng treo ngoài biển: Cũng sử dụng các lồng nhựa kích thước 50cm x 40cm x 30cm và treo trên bè nổi cách nhau 0.5m ở độ sâu 2-5m, nước luôn đạt độ mặn thích hợp từ 30-35‰. -Mô hình nuôi bào ngư trên bãi đá/rạn san hô: Khu vực được chọn nuôi thường là những nơi có nền đáy là các phiến đá tảng xếp lên nhau tạo thành các hang hốc cho bào ngư ẩn nấp. Bên cạnh đó, nguồn nước biển ở những nơi này phải lưu thông tốt và



Nguồn: internet

đạt những chỉ số môi trường thích hợp như: độ trong mực nước >1.5m, độ sâu mực nước nuôi từ 1-3m,...

Nguồn thức ăn của bào ngư chủ yếu là hỗn hợp rong biển (rong mơ, rong câu, rong đồng,...). Lượng thức ăn có thể thay đổi tùy theo nhiệt độ nước và mức độ sử dụng thức ăn của bào ngư. Nếu sử dụng rong khô thì trước khi cho ăn phải ngâm rong trong nước biển từ 30-60 phút rồi mới cho ăn. Nếu thấy bào ngư bắt mồi kém thì cần kiểm tra lại chất lượng của thức ăn. Nên kiểm tra lồng nuôi mỗi ngày để loại bỏ những địch hại có trong lồng như: cua, còng,... Thông thường, sau khi nuôi từ 24-30 tháng bào ngư đạt cỡ thương phẩm 40-50 con/kg thì tiến hành thu hoạch. Nên thu tỉa những con bào ngư đạt kích cỡ.

KỸ THUẬT NUÔI CÁ CHÉP GIÒN THƯƠNG PHẨM

Nguyễn Giang



Nguồn: internet

Hiện nay, cá chép giòn đang là một trong những nguyên liệu chế biến rất được người tiêu dùng ưa chuộng. Thịt cá chép giòn không có vị tanh, ngược lại còn giòn tan hấp. Chính vì vậy, rất nhiều bà con hiện nay đã lựa chọn đổi tượng nuôi này để cải thiện đời sống kinh tế.

Nuôi cá chép giòn thương phẩm thành công không quá khó, cũng chẳng có bí quyết gì “ghê gớm”. Điều quan trọng là người nuôi phải nắm vững kỹ thuật, trong đó lựa

chọn thời điểm thích hợp để vỗ béo cá bằng hạt đậu tằm là quan trọng nhất. Cá chép là loài ưa nước sạch, do vậy những ao nuôi (hoặc lồng nuôi cá) phải được thiết kế ở khu vực có nguồn nước sạch và không bị ô nhiễm bởi nước thải công nghiệp, sinh hoạt,... Sau khi cải tạo xong, tiến hành cấp nước sạch vào ao nuôi đủ lượng thích hợp. Nếu lồng cá có diện tích lớn thì bà con nên chọn những khu vực nước có độ sâu 3.5-4m. Lồng nuôi phải được đặt nổi và neo cố định tại một vị trí thuận lợi trên sông: có dòng nước chảy liên tục, mực nước sông ổn định,... Như các loài khác, khi chọn giống cần chọn những đàn cá khỏe mạnh, vây vẩy hoàn chỉnh, không bị xây xát, không mất nhớt, cỡ cá đồng đều, bơi lội nhanh nhẹn và không có dấu hiệu bệnh tật.

“hô biến” cá chép thường thành cá chép giòn

Trong giai đoạn đầu, nuôi cá chép bình thường. Đến khi cá đạt trọng lượng khoảng >1kg thì bà con bắt đầu vỗ béo cá bằng hạt đậu tằm. Đây là loại thức ăn đặc biệt thay đổi cấu trúc giúp thịt cá chép trở nên giòn dai, da thịt cá săn chắc hơn và khi ăn có độ giòn. Trước khi cho cá chép ăn, hạt đậu tằm phải được ngâm trong nước từ 12-24 giờ, những hạt to phải cắt làm đôi. Sau đó đãi sạch và trộn với 1-2% muối, để trong 10-15 phút rồi mới cho cá ăn. Để cá thích nghi và tiêu thụ đậu tằm triệt để nhất thì trong thời gian đầu, không được cho cá ăn gì khác ngoài đậu tằm. Ban đầu cho cá ăn với khẩu phần 0.03% khối lượng thân, sau tăng dần lên 1.5%-3% khối lượng cá trong ao. sau khi cho ăn kiểm tra xem tình hình cá tiêu thụ mà có sự điều chỉnh kịp thời. Cho cá ăn mỗi ngày 2 lần: 8h-10h và 16h-18h.

NUÔI CÁ TRẮM CỎ TRONG AO

Tổng Tuấn

Hỏi:

Kỹ thuật nuôi cá trắm cỏ trong ao để đạt hiệu quả cao?

Trả lời:

Diện tích ao nuôi cá trắm cỏ phải khoảng từ 400 – 1000 m². Ao nuôi phải quang đãng, không bị côm dộp, bờ ao chắc chắn không rò rỉ, đáy ao bằng phẳng có lớp bùn dày khoảng 15 – 20cm. Mức nước trong ao giao động từ 1 – 1,2m. Nguồn nước cung cấp cho ao phải sạch, Ph nước 6,5 – 7,5 hàm lượng ô-xi hòa tan, duy trì từ 34mg/l. Trước khi thả cá phải bón vôi để diệt cá tạp và các mầm bệnh. Lượng vôi bón từ 7 – 10kg/100m² đáy ao. Nước lấy vào ao phải lọc qua đặng hoặc lưới có mắt nhỏ để phồng cá dừ, cá tạp xâm nhập theo dòng nước vào ao. Dùng 20 – 30kg phân chuồng để bón lót cho 100m² ao trước 2 – 3 ngày để chuẩn bị thả cá. Vụ xuân từ tháng 2 đến tháng 3 và Vụ thu từ tháng 8 đến tháng 9.

Tiêu chuẩn cá giống: chọn những con giống cỡ lớn đồng đều từ 10 – 15cm/con, cá giống phải khỏe mạnh, vây hoàn chỉnh, không mất nhớt, cỡ cá đồng đều và không có bệnh. Thả cá giống từ 2 – 3 con/1m² ao. Cách thả: cá giống sau khi vận chuyển từ cơ sở mua bán giống về đến ao phải cho cá làm quen với môi trường nước mới trước khi thả bằng cách ngâm dụng cụ vận chuyển xuống ao từ 5 – 10 phút sau đó mở dụng cụ ra và cho nước ao từ từ vào trong với lượng nước bằng nước đã có và từ từ thả cá ra.

Thức ăn công nghiệp hiện nay có các loại như con cò mã số từ 8001 – 8008, con cá vàng mã số từ 632 – 636 tùy theo kích cỡ cá. Theo dõi thường xuyên bờ ao, cống thoát nước, xem mực nước ao vào mỗi buổi sáng để có biện pháp khắc phục nếu có sự cố xảy ra. Vào sáng sớm theo dõi nếu thấy cá nổi, đầu kéo dài không lặn xuống thì tạm dừng cho ăn và bơm thêm nước vào ao hoặc sử dụng máy phun đảo ngược nước trong ao để tăng hàm lượng ô-xi. Định kỳ mỗi tháng sử dụng vôi bột hòa loãng với nước sạch để đều khắp mặt ao với liều lượng 2kg/100m² ao.

Trong quá trình nuôi, cá trắm cỏ thường bị một số bệnh



Nguồn: internet

sau như bệnh đốm đỏ, bệnh xuất huyết, trùng mỏ neo. Để phòng trị bệnh trùng mỏ neo có thể dùng lá Xoan tươi bó thành bó, đập dập thả xuống ao cá bệnh với lượng 30 – 50kg lá/100m² nước.

Chú ý trong mấy ngày đầu do lá Xoan phân hủy mạnh dẫn đến thiếu ô-xi có thể làm cá nổi đầu nhẹ. Lá Xoan phân hủy có tác dụng làm cho thực vật phù du phát triển mạnh và hạn chế sự phát triển của trùng bánh xe.

Sau 7 – 8 tháng nuôi có thể đánh tỉa số cá lớn và thả bù cá giống đồng cỡ để tăng năng suất nuôi. Cuối vụ thu toàn bộ cá, có thể chọn những con cá nhỏ giữ lại làm giống cho vụ sau. Với quy trình nuôi như trên sau 10 – 12 tháng nuôi cỡ cá thu hoạch đạt cỡ 1,5 – 2kg/con. Tỷ lệ sống từ 60 – 70%, năng suất từ 12 – 42 tấn/ha.

Trên đây là quy trình kỹ thuật nuôi cá trắm cỏ chúc bà con và các bạn áp dụng thành công.

NUÔI CÁ RÔ PHI ĐƠN TÍNH HIỆU QUẢ

Hoàng Phúc

Hỏi: Nuôi rô phi đơn tính có khó hay không, có hiệu quả như thế nào?

Trả lời: Nuôi cá rô phi đơn tính không khó nên nuôi với Diện tích ao nuôi: từ 500-1000m², độ sâu khoảng 1-1,5m, nhiệt độ: 25-30°C, độ pH: 7-8, ao có 2 cống (cấp nước và thoát nước), ao nuôi phải dễ quản lý chăm sóc, có nguồn cấp nước sạch và thoát nước dễ dàng. Trước khi nuôi dọn cây cỏ xung quanh bờ ao, đắp bờ ao chắc chắn, vét bùn ao chỉ chừa một lớp dày từ 10-15 cm. Dùng vôi bột (7-10 kg/ 100 m²) rải khắp ao để diệt địch hại cá, phơi nắng 2 – 3 ngày; rồi lọc nước vào để có mức nước sâu 1,2 – 1,5m, bón lót phân chuồng ủ mục 80 – 100m² hoặc phân đạm, phân lân để 5 – 6 ngày tạo lượng sinh vật phù du trong ao phát triển làm thức ăn cho cá, sau đó thả cá vào ao nuôi. Phải chọn cá khỏe mạnh, vây, vẩy hoàn chỉnh, không bị sây sát, không bị bệnh, cá sáng con, cỡ đồng đều. Màu sáng bạc, thân có từ 8-10 sọc đen sẫm, môi cá đỏ. Đối với vùng nước ngọt có thể thả nuôi quanh năm, đối với vùng nước lợ, mặn thả cá nuôi: Miền Bắc: Tháng 8-12, Miền Nam: Tháng 4-10, ao nuôi tuyền cá đực: Mật độ từ 3-5 con/m², ao nuôi cá thương phẩm xuất khẩu: Mật độ từ 1-2 con/m². Về thức ăn thì cho cá ăn thức ăn tinh bột như bột ngô, khoai sắn, gạo, cám... và thức ăn xanh như rau muống, bèo trứng cá, bèo tấm, bèo hoa dâu, rau thái nhỏ... các loại động vật như tôm, cá nhỏ, giun, ốc đã xay nhỏ và các phân loại thải của chế biến thực phẩm (bã bia, bã rượu, lòng trâu bò...). Ngoài thức ăn tận dụng trên, để nuôi thâm canh đạt năng suất cao, rút ngắn thời gian nuôi tạo ra hàng hóa xuất khẩu cần phải sử dụng thêm thức ăn công nghiệp. Phải thường xuyên kiểm tra bờ cống chống rò rỉ và mưa tràn bờ cá đi mất. Trông nom, chăm sóc, cắm câu bắt, đánh lưới, sục điện... thường xuyên quan sát thấy thời tiết thay đổi, thiếu ôxy cá nổi đầu là phải chạy máy quạt nước, chú ý nhất là thời điểm một hai giờ đêm đến sáng Hàng ngày quan sát bờ ao, cống đáy, công khơi để khi có sự cố xảy ra thì xử lý kịp thời. Định kỳ 15 ngày chài cá một lần, xem độ lớn và mức độ ăn của cá để điều chỉnh lượng thức ăn cho phù

hợp. Sau khi nuôi 6-8 tháng thì cá có thể thu hoạch được. Cá rô phi đơn tính, nuôi 6 – 8 tháng tuổi có thể đạt cỡ 0,4 – 0,5kg/con. Năng suất đạt 8-10 tấn/ha/vụ nuôi. có thể thu hoạch 1 lần: Hạ mức nước ao đến còn 40-50 cm, kéo lưới nhiều lần sau đó tát cạn, bắt cá còn sót lại hoặc cá lớn tiêu thụ, cá nhỏ để lại nuôi vụ sau. Sau khi nuôi cá 6-7 tháng, hàng tháng ta kéo lưới bắt cá lớn thu hoạch, thả thêm cá nhỏ tiếp tục nuôi sau đó 2-3 năm thu hoạch toàn bộ.



Nguồn: internet

NUÔI CÁ TRẠCH ĐỒNG TRONG AO ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH

Lê Hà

Hỏi:
Muốn nuôi trạch đồng tại ao đất của hộ gia đình phải chuẩn bị ao nuôi như thế nào?

Trả lời:

Bơm cạn ao, diệt hết cá tạp, cá dữ và làm sạch cây cỏ thủy sinh trong và xung quanh ao. Vét bùn đáy ao, chỉ chừa lại một lớp bùn mỏng khoảng 10 - 20 cm.

Gia cố cống cấp, thoát nước và lưới chắn. Tu sửa lại những chỗ bờ ao bị sạt lở, rò rỉ, lấp hết hang hốc cua, rắn, chuột.

Dùng vôi bột rải đều đáy và bờ ao với liều lượng từ 10 - 15 kg/100 m² ao. Sau đó phơi ao 3 - 5 ngày. Cấp nước vào ao qua lưới chắn lọc, mực nước khoảng 50 cm rồi tiến hành gây màu nước. Sau 5 - 7 ngày, nước trong ao có màu xanh lá chuối non thì tiến hành thả cá giống.

Hỏi:

Sau khi chuẩn bị ao nuôi thì chọn và thả giống như thế nào? Cách phòng bệnh ra sao?

Trả lời:

Chọn: Cá giống phải có kích cỡ đồng đều (5 - 6 cm/con), không mất nhớt, không bị trầy xước, bơi lội linh hoạt, màu sắc sáng bóng, không có dấu hiệu bệnh tật.

Thả giống: Mật độ thả phù hợp từ 30 - 50 con/m². Thả cá vào lúc sáng sớm hay chiều mát, khi thả nên ngâm túi cá giống xuống ao khoảng 10 - 15 phút để cân bằng nhiệt độ. Trước khi thả giống cần so sánh các yếu tố môi trường (pH, nhiệt độ...) để điều chỉnh, tránh gây sốc cho cá.

Phòng bệnh: Chọn địa điểm nuôi thích hợp, thiết kế công trình nuôi đúng kỹ thuật. Nguồn nước lấy vào ao nuôi phải sạch hoặc đã được xử lý. Cải tạo ao theo đúng quy trình kỹ thuật, vệ sinh ao thật kỹ sau mỗi vụ nuôi. Chọn cá giống tốt tại các cơ sở có uy tín và không mang mầm bệnh. Thả nuôi với mật độ hợp lý. Cho cá ăn vừa đủ, tránh tình trạng thức ăn thừa gây ô nhiễm môi trường ao nuôi. Định kỳ thay nước để cải thiện điều kiện môi trường ao nuôi. Thường xuyên quan sát ao nuôi, kịp thời phát hiện những dấu hiệu bất thường để có biện pháp xử lý thích hợp.

NUÔI CUA ĐỒNG TRONG BỂ XI MĂNG

Nguyễn Hoan

Hỏi:
làm thế nào nuôi cua đồng trong bể xi măng đạt hiệu quả?

Trả lời:

Chuẩn bị bể xi măng thả cua giống:
Tùy thuộc vào mô hình của bạn mà thiết kế bể nuôi cua có kích thước lớn nhỏ khác nhau. Trung bình, bể xi măng có kích thước rộng hơn 50m², chiều cao 1 m. Đáy bể cần phải thiết kế có độ dốc chênh lệch, làm hệ thống cấp thoát nước bằng ống nhựa có khóa van ở phần trũng. Trên bể có lưới che chắn tránh ánh nắng rơi vào bể. Cần phải tẩy rửa sạch các chất xi măng có trong bể bằng việc dùng thân cây chuối chặt nhỏ cho vào bể ngâm 1 tuần rồi tháo sạch mạnh nước. Dùng vòi xịt mạnh vào bể để trôi hết lớp cặn xi măng ra ngoài. Sau đó khử trùng bể bằng Chlorine hoặc thuốc tím trước khi thả cua giống. Xếp những tảng đá ong vững chắc chồng lên nhau (cách miệng bể khoảng 0,5m) để tạo hang hốc cho cua trú ẩn. Lưu ý làm hang ở phân cao của bể. Đầu trứng chứa nước khoảng 4-7cm (chỗ sâu nhất khoảng 7cm nước) và diện tích nước chiếm 1/3 diện tích bể.

Điều kiện nước phải là nước ngọt, không có chất tẩy rửa, nên dùng nước giếng khoan có độ PH khoảng 6,5 đến 8; không bị nhiễm chất độc hại, nước thải sinh hoạt... Nhiệt độ thích hợp để cua phát triển từ 25- 27°C.

Lựa cua giống chú ý Yếu tố quan trọng nhất là chọn cua cùng 1 lứa. Vì cua là loài giáp sát khi lột vỏ chúng rất yếu. Nếu cua không cùng lứa chúng có thể ăn thịt lẫn nhau trong quá trình lột vỏ. Tốt nhất bà con nên mua cua giống tại các trung tâm phân phối giống. Lựa chọn cua giống có kích thước 1,2 đến 1,4cm; khoảng 350 đến 400con/kg, cua to đồng đều, khoẻ mạnh, vỏ sáng bóng, nhanh nhẹn và không bị thiếu bộ phận chân, càng.

Thời gian thả cua: Từ tháng 2 đến tháng 4 hàng năm, thả giống vào sáng sớm hoặc chiều mát. Mật độ: Từ 20-30 con/ m².

Cần thường xuyên vệ sinh bể xi măng bằng cách xả hết nước trong bể, thay nước sạch cho cua. Tháng đầu cua còn nhỏ thì 5 ngày thay nước 1 lần, Các tháng tiếp theo chu kỳ 2 ngày thay nước 1 lần. Việc làm này giúp cua mau chóng lột vỏ, và phòng trừ 1 số bệnh kỹ sinh trùng trong cua. Thời gian thay nước: nên thay vào buổi trưa, vì lúc này của vẫn đang ẩn lấu trong hang hốc.

Lưu ý: khi thay nước, bà con cần có miếng lưới bịt ở miệng cống tránh tình trạng cua thoát ra ngoài. Khi bơm nước cần bơm từ từ để không gây tổn thương tới cua.

Về thức ăn: Cua là loài ăn tạp, vì vậy thức ăn cho cua rất dễ kiếm, tốn ít chi phí: mùn bã hữu cơ, cám rang, bột ngô, bột gạo, khô lạc... Ngoài ra, chúng còn thích ăn thịt những loại thân mềm như: trai, ốc, hến, cá tạp, giun cỡ nhỏ... Lúc mới thả, bà con có thể dùng bột ngô nấu chín thả vào bể. 1 ngày cho ăn 2 lần lúc sáng sớm và chiều tối, với khẩu phần 5%. Tháng 2- 4 có thể cho ăn thêm thịt ốc bươu vàng, cám công nghiệp, cám ngô nấu chín với khẩu phần 7%. Thời gian từ 4- 6 tháng khẩu phần tăng lên 10%.

Lưu ý: Bà con nên cho cua ăn vào khoảng thời gian nhất định trong ngày. Thường thì buổi sáng cho ăn từ 5 giờ sáng, chiều vào 6 giờ chiều, lúc này cua thường bò ra khỏi hang hốc đi kiếm thức ăn. Sau 9-10 tháng cua sẽ cho thu hoạch. Khi cua đạt kích thước thương phẩm (50- 55 con/kg) được giá cao có thể tiến hành thu hoạch. Bà con có thể lựa chọn những con cua cái to khỏe, đang có trứng nuôi tiếp để chúng sinh sản nhân giống cho vụ tiếp theo.

Từ đó bà con áp dụng vào mô hình nuôi cua đồng tại gia đình mình hiệu quả hơn. Chúc bà con thành công.

NUÔI CÁ ĐIỀU HỒNG TRÊN LỒNG BÈ TRÊN SÔNG, HỒ

Hoàng Thơ

Hỏi:
Làm sao để nuôi cá Điều Hồng trong lồng bè trên sông và hồ chứ an toàn tránh rủi ro?

Trả lời:

Vị trí để đặt lồng bè phải nằm trong vùng quy hoạch và đảm bảo yêu cầu: pH = 6,5-8; Hàm lượng oxy hòa tan: 5-8mg/l; Nhiệt độ nước mùa hè: 25- 32°C; Độ trong: sông: 30- 50 cm (mùa mưa độ trong không < 10cm), hồ chứa: 50- 100 cm; Không gần cầu cảng, nguồn nước thải. Lưu tốc dòng chảy nhẹ, không bị ảnh hưởng bởi mưa lũ. Lắp đặt lồng bè theo Quy cỡ lồng thích hợp nuôi cá có thể tích từ 40 – 250 m³; Kích thước: 4÷8 (m) x 4÷8 (m) x 2,5÷4 (m). Các lồng được ghép lại với nhau tạo thành bè nuôi. Khung lồng được làm bằng sắt chữ V, sắt hộp hoặc ống kẽm đường kính từ 34 ÷ 42 mm. Lưới lồng làm bằng sợi PE dệt không gút để cá không bị sảy sát. Mật lưới thích hợp để giữ cá nhưng vẫn đảm bảo lưu thông nước tốt. Phao nổi bằng nhựa hoặc kim loại thể tích từ 200÷220 lít.

Lựa Cá giống có kích thước đồng đều, từ 6÷8 cm/con. Cá khỏe, phản xạ nhanh, không bị trầy xước. Cá giống phải có chứng nhận kiểm dịch. Phải kiểm tra các yếu tố môi trường thích hợp mới tiến hành thả giống. Các bước thả cá giống: ngâm bao chứa cá vào nước 20-30 phút để cân bằng nhiệt độ, mở miệng bao, cho nước bên ngoài từ từ vào bao, cá trong bao tự bơi ra ngoài, không được vội

vàng đổ cá ra.

Thường xuyên kiểm tra khả năng thích nghi và sức khỏe đàn cá. Chú ý quan sát lồng bè nuôi, cá bơi nhanh, tập trung thành đàn, tiếp cận thức ăn nhanh, màu sắc đặc trưng cho thấy cá khỏe. Cá bơi chậm, rải rác, không tập trung, bắt mỗi kém, màu sắc nhợt nhạt cho thấy cá yếu. Thức ăn sử dụng là thức ăn công nghiệp dạng nổi, độ đạm tiêu hóa đảm bảo tối thiểu từ 24% trở lên. Cho ăn từ 2-3 lần/ngày với khẩu phần ăn từ 2-3% trọng lượng thân. Để đảm bảo cá sinh trưởng và phát triển tốt cần bổ sung thêm các loại men vi sinh, vitamin, khoáng chất... Cần cho cá ăn theo nguyên tắc “3 xem”: xem điều kiện thời tiết, xem biến động các yếu tố môi trường, xem tình trạng sức khỏe của cá; “4 định”: định chất lượng thức ăn, định số lượng thức ăn, định vị trí cho cá ăn, định thời gian cho cá ăn. Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh, dùng bàn chải cọ rửa hoặc máy xịt sạch bùn, phù sa bám trong và ngoài lồng bè, loại bỏ thức ăn dư thừa, gỡ bỏ rác bám hoặc thay lồng nuôi mới để tăng khả năng lưu thông của nước bên trong và ngoài lồng bè.

Nếu điều kiện môi trường bất lợi cần dùng máy bơm tạo dòng chảy mạnh hoặc máy thổi khí để tăng ô-xi, đẩy bùn, rác ra khỏi lồng bè. Thường xuyên theo dõi diễn biến của môi trường nước, quan sát các hoạt động bơi lội, bắt mồi của cá để có các biện pháp xử lý kịp thời. Sau thời gian nuôi 6 tháng cá đạt trên 800 gr/con, tiến hành thu hoạch cá.

NUÔI CÁ LĂNG ĐẠT HIỆU QUẢ KINH TẾ

VŨ ĐỨC

Hỏi:

Làm sao nuôi cá lăng đạt hiệu quả cao?

Trả lời:

Tùy theo nhu cầu và khả năng kinh tế của mỗi hộ chăn nuôi mà bà con lựa chọn hình thức nuôi ở đâu cho phù hợp. Khi nuôi cá lăng trong lồng bè thì cần thiết kế diện tích tối thiểu là 10m² và độ sâu 2m. Diện tích tối đa là 36m², độ sâu phải đạt từ 3 - 5m. Trên lồng cần thiết kế mái che đảm bảo nhiệt độ ổn định cho cá sinh sống. Nên đặt lồng ở nơi có nước chảy vừa phải, không quá mạnh để cá không phải hoạt động nhiều. Phía dưới lồng đổ một lớp đất sét dày 10-15cm để phù hợp với tập tính chui rúc của loài cá này. Trong điều kiện nuôi cá lăng trong ao bà con nên chuẩn bị ao nuôi 1.000m² trở lên, độ sâu từ 1,5m - 2m. Che phủ mặt nước bằng bèo hoặc lưới không quá 30% diện tích ao. Lớp bùn dày 10-15cm đủ để cá chui rúc. Nguồn nước phải đảm bảo đủ oxy hòa tan trên 3mg/l, độ pH từ 6 - 8 (tốt nhất 6,5 - 7,5) để cá sống tốt nhất.

Giống cá lăng được lựa chọn ở trang trại uy tín, chất lượng cao để có được cá giống khỏe mạnh, kích thước đồng đều. Nên chọn cá giống khối lượng đạt 10-20g/con, không dị hình, dị tật.

Mật độ thả cá: Nuôi ao (ghép): 4-5 con/m² (trong đó cá lăng nha chiếm 20-30% tổng số cá thả), nuôi ao (đơn): 6-8 con/m², nuôi lồng bè: 60-70 con/m³. Cá lăng có thể ăn các loại cá khác nên có thể nuôi kèm cá rô phi loại nhỏ để làm thức ăn cho chúng, mùa vụ thả giống khoảng cuối tháng 3, đầu tháng 4.

Các loại thức ăn cho cá lăng đa dạng như: Thức ăn công nghiệp mua ở cơ sở cung cấp cá công nghiệp cho thủy sản; Thức ăn tươi sống như tôm, tép, cá rô phi. Tôm, tép có thể thả trực tiếp cho cá lăng ăn, còn cá thì chế biến mô bụng, bỏ ruột, chặt miếng vừa với cá. Thức ăn tươi sống có thể bổ sung tháng 1 lần để cá có đủ nguồn dinh dưỡng, phát triển tốt hơn và tăng sức đề kháng; Thức ăn tự chế

biến gồm cám, các loại đỗ được nghiền thành bột, trộn đều nên cho thêm nước để cho vào máy tạo viên (máy ép cám viên) sấy khô bảo quản để cá ăn dần. Phối trộn thức ăn nên đảm bảo đúng tỉ lệ. Nếu không có máy tạo viên thì nghiền và nắm lại thành từng nắm có khối lượng khoảng 200-300g để cho cá ăn.

Trong quá trình cho ăn cần bổ sung thêm các khoáng chất, nhất là vitamin C để tăng sức đề kháng cho cá. Theo dõi cá ăn, nếu bỏ ăn, ăn kém thì cần trực vớt cá để lấy mẫu xét nghiệm và có hướng điều trị đúng phác đồ. Cá lăng có giá trị kinh tế cao nên cần có kỹ thuật chăm sóc tốt, hạn chế để cá bệnh chết sẽ thiệt hại lớn về vốn đầu tư. Cá lăng nuôi phải 1 đến 2 năm sau mới có thể tiến hành thu hoạch được vì chúng lớn chậm. Cỡ cá thương phẩm khi thu hoạch cỡ 1,2kg - 1,5kg/con. Tỉ lệ sống trên 90% nếu chăm sóc đúng kỹ thuật. Bà con nên tham khảo học hỏi kinh nghiệm ở cơ sở bán giống cá lăng chất lượng cao để áp dụng cho mô hình của mình.



Nguồn: internet

NUÔI CÁ CHUỐI HOA TRONG BỂ XI MĂNG

Ánh Dương

Hỏi:

Có thể nuôi cá chuối hoa trong bể xi măng hay không? kỹ thuật nuôi cá tối ưu là gì?

Trả lời:

Xây bể xi măng: Bể nuôi cá chuối hoa nên xây theo hình chữ nhật, diện tích tối ưu là từ 15 - 20m². Có thể xây các bể nuôi riêng rẽ hoặc liên hoàn để dễ chăm sóc, thu hoạch. Tường xây cao 0,8m. Cản lảng trơn phân nền và tường cao khoảng 0,5m để vệ sinh bể được dễ dàng và tránh xây xước cho cá. Có ống tràn để ổn định mực nước trong bể. Bà con có thể lấy thân cây chuối tươi, cắt đầu và góc, bóc từng lớp vỏ ra thả vào bể, bơm nước vào ngâm. Sau khi ngâm 5 - 7 ngày, vớt ra rồi xả lại bằng nước sạch vài lần là được. Đối với bể cũ bà con tận dụng để nuôi cá chuối hoa thì phải cho nước vào vệ sinh sạch sẽ trước khi nuôi.

Thời gian nuôi: Các tỉnh miền Bắc bắt đầu thả từ tháng 3 - 4 dương lịch, thu hoạch tháng 9 - 10 dương lịch, các tỉnh miền Nam có thể nuôi được quanh năm.

Do cá chuối hoa có cơ quan hô hấp phụ nên có thể nuôi với mật độ cao, trung bình từ 30 - 80 con/m². Chọn mua giống ở những cơ sở có uy tín. Cá giống có kích cỡ khoảng 4-5 cm/con, đồng đều nhau, không xây xát,

không bị nhiễm bệnh. Trước khi thả nên tắm cá giống qua nước muối 2-3% trong 5-10 phút. Nếu nơi bán giống đã tắm qua nước muối rồi thì bà con không cần tắm.

Có thể nuôi cá chuối hoa bằng thức ăn công nghiệp hoặc động vật tươi sống như: cá tạp, tép, ếch, nhái, cua, ốc.

Khẩu phần ăn cho cá: Công thức thức ăn tự chế: 70% cá tạp xay nhuyễn + 25% bột đậu nành + 3% men tiêu hóa + 2% vi lượng, vitamin và khoáng chất. Nếu nuôi cá chuối hoa bằng cám công nghiệp thì phải tập cho cá ăn từ lúc còn nhỏ và không cho ăn thức ăn tươi sống trong khi tập cho ăn cám. Định kỳ bổ sung Vitamin-C, men tiêu hóa, betaglucan cho cá ăn để tăng cường sức đề kháng.

Do diện tích nhỏ, thức ăn cho cá chuối hoa có độ đậm cao nên phải thường xuyên thay nước bể nuôi. Trong 3 tuần đầu thì 2 - 3 ngày bà con thay nước một lần nếu cho ăn cám công nghiệp. Nếu cho ăn thức ăn là động vật tươi sống thì 2 ngày thay nước một lần. Tuần thứ 4 trở đi thay nước ngày 1 lần. Đến tháng cuối mỗi ngày thay nước 2 lần.

Nếu cho cá ăn thức ăn công nghiệp thì thời gian từ nuôi đến lúc thu hoạch là 4 - 5 tháng. Nếu cho ăn cá tạp thì 5 - 6 tháng bà con có thể thu hoạch lứa đầu. Thời gian thu hoạch trong vòng 1,5 - 2 tháng.

NUÔI ỐC HƯƠNG THƯƠNG PHẨM

Bảo Trâm

Hỏi:

kỹ thuật nuôi ốc hương có khó hay không? làm sao để có thể chăm sóc tránh thiệt hại?

Trả lời:

Chuẩn bị ao nuôi: Tháo cạn, vét hết lớp cát bẩn trong ao nuôi hoặc dùng ống nước có áp suất mạnh để rửa lớp cát; Bón vôi $\text{Ca}(\text{OH})_2$: Liều lượng từ 300 - 400 kg/ha và phơi đáy ao từ 5 - 7 ngày; Đổ lớp cát (chú ý là cát không được mịn quá) dày từ 20 - 30 cm lên trên bề mặt ao sau đó san phẳng đáy ao; Rào lưới ruồi xung quanh bờ ao, chiều cao lưới đặt từ 40 - 60 cm so với mặt nước nuôi, lưới hơi nghiêng về phía trong ao để ngăn ốc bò lên bờ, kích thước mắt lưới 2a = 1,5mm; Cấp nước vào ao thông qua túi lọc để ngăn địch hại của ốc vào trong ao nuôi, với độ sâu đạt từ 1,2 - 1,5m. Lắp dàn quạt nước trong ao, số lượng dàn quạt từ 2 - 4 dàn tùy vào mật độ nuôi (mỗi dàn quạt từ 15 - 20 cánh quạt). Kiểm tra các yếu tố môi trường nước, trường hợp ao đất mới; Khi xây dựng ao xong, đổ lớp cát lên bề mặt ao, san phẳng và tiến hành các bước chuẩn bị giống như trên. Trường hợp ao cát lót bạt mới: Khi xây dựng ao xong, lót bạt xung quanh bờ ao và đáy ao nuôi, đổ lớp cát dày 20 - 30 cm lên bề mặt ao, san phẳng và tiến hành các bước chuẩn bị ao giống như trên.

Về con giống nên chọn giống ở những cơ sở sản xuất có uy tín, kích cỡ giống nên thả tối thiểu đạt 20.000 con/kg. Đặt vào thùng xốp có nắp đậy kín, hạ nhiệt độ còn 25 - 26°C. Giai đoạn nhỏ từ 1 - 2 tháng: Nuôi ở mật độ từ 500 - 700 con/m² (tính theo diện tích vây lưới). Sau 2 tháng nuôi san thưa với mật độ 200 - 300 con/m² (tính theo diện tích vây lưới); Giống được thả vào lúc sáng sớm hoặc chiều mát. Sau đó tiến hành rải ốc đều khắp ao.

Thức ăn ưa thích của ốc hương là động vật thân mềm hai mảnh vỏ, các loại cá, các loại giáp xác bao gồm cua, ghẹ, tôm... Thức ăn cho ốc phải tươi, không được dùng loại thức ăn được bảo quản bằng hóa chất.

Cho ốc ăn với lượng như sau: Tháng thứ 1: 15 - 20% trọng lượng ốc nuôi; Tháng thứ 2: 10 - 15% khối lượng ốc nuôi; Tháng thứ 3: 8 - 10% khối lượng ốc nuôi; Tháng thứ 4 về sau: 5 - 7% khối lượng ốc nuôi. Số lần cho ăn trong ngày: 1-2 lần/ngày. Thức ăn của ốc: Các loại, cua, ghẹ đập vỡ vỏ sau đó cắt nhỏ phù hợp với kích cỡ ốc nuôi. Thức ăn có thể cắt bằng máy hoặc bằng tay sau đó được rải đều trong ao.

Sau khi cho ăn khoảng 2 giờ, lặn xuống đáy kiểm tra để xác định mức độ tiêu thụ thức ăn của ốc. Nếu lặn kiểm tra thấy hết thức ăn trong ao thì ngày hôm sau tăng 5 - 10 % so với lượng thức ăn ngày trước đó, nếu thức ăn còn 5-10 % thì không tăng và nếu còn hơn 15 % thì giảm đi 10 - 20 % lượng thức ăn cho ngày sau.

Hàng ngày quản lý chặt chẽ chế độ nước, không để bị thừa; định kỳ cua, ghẹ, sò, hào,... còn sót lại của ngày hôm trước tránh ô nhiễm nước ao nuôi. Thường xuyên thay nước, mỗi lần thay 30 - 70% lượng nước trong ao. Vào các thời điểm không thay được nước, môi trường ao nuôi diễn biến xấu, thực hiện đồng thời các biện pháp sau: Giảm lượng thức ăn; bơm cấp thêm nước mới; tăng cường quạt nước; sử dụng vôi thủy sản, chế phẩm sinh học,... để cải thiện môi trường ao nuôi. Định kỳ sử dụng chế phẩm sinh học, vôi, các khoáng chất nhằm phân hủy các chất lắng tụ, chất bẩn trên bề mặt ao nuôi và tăng độ kiềm nước ao nuôi.

Chúc bà con thành công với mô hình này?

HIỆU QUẢ KINH TẾ TỪ NUÔI SÒ HUYẾT

Anh Tuấn

Hỏi:

Làm sao để nuôi được sò huyết trong ao mà giảm tỷ lệ thất thoát con giống và kỹ thuật nuôi?

Trả lời:

Bãi nuôi nên có thiết kế hình chữ nhật và xây dựng kèm theo các công trình. Bờ ao xung quanh bãi phải đắp chắc chắn, mặt bờ rộng khoảng 2 - 2,5 m, đáy bờ 3 - 3,5 m, chiều cao của bờ 1,2 - 1,5 m. Xây dựng thêm mương bao xung quanh phía trong bờ ao. Diện tích mương bằng 15 - 20% diện tích bãi nuôi.

Sau khi cải tạo, sên vét ao nuôi, mương bao, tiến hành lấy nước vào ao nuôi thông qua túi lọc để hạn chế trứng các sinh vật gây hại sò huyết xâm nhập vào ao nuôi. Tiến hành gây màu cho ao nuôi tạo nguồn thức ăn tự nhiên (tảo) giai đoạn đầu, sau 2 - 3 ngày tiến hành diệt tạp, diệt khuẩn cho sò khi mới thả giống. Kiểm tra môi trường ao nuôi (pH, độ mặn, độ, độ kiềm, độ trong...) trước khi thả.

Sò huyết giống hiện nay chủ yếu là lấy từ giống tự nhiên, cho nên trước khi tiến hành lấy giống cần phải điều tra, dự báo diện tích bãi giống, trữ lượng giống để có thể chủ động trong sản xuất. Thời điểm lấy giống nên tiến hành khi phát hiện giống khoảng 10 - 15 ngày (giống cỡ 25.000 - 30.000 con/kg). Sò tốt thường có màu sắc trắng hồng không lẫn tạp vật và các sinh vật hại sò. Vận chuyển giống bằng phương pháp giữ ẩm. Trong quá trình vận chuyển,

tránh để sò huyết tiếp xúc với nước ngọt đặc biệt là nước mưa. Thời gian vận chuyển con giống không quá 6 giờ. Sò huyết giống để nơi thoáng mát, vận chuyển bằng xe hoặc tàu thuyền, thường xuyên tưới nước biển lên các bao đựng để sò huyết giống dễ hô hấp. Ở nhiệt độ thấp thì thời gian cho phép để vận chuyển lâu hơn và tỷ lệ sống cao hơn. Thả với mật độ trung bình nên thả sò với số lượng như sau: Cỡ 400 con/kg thả mật độ 850 - 900 con/1.000 m², cỡ dưới 400 - 350 con/kg thả mật độ 950 - 1.000 con/1.000 m², cỡ dưới 350 - 300 con/kg thả 950 - 1.000 con/1.000 m², cỡ dưới 300 - 250 con/kg thì thả 1.000 con/1.100 m².

Sau khi thả nuôi phải thường xuyên có người quản lý, kịp thời tu sửa đê bao của đầm nuôi, chú ý điều tiết lượng nước trong đầm. Cứ 15 ngày tháo nước một lần, kiểm tra sự sinh trưởng của sò, loại bỏ sinh vật gây hại. Nếu phát hiện mật độ sò quá cao, thì chuyển bớt một bộ phận tới nuôi ở đầm khác. Trong quá trình nuôi, hạn chế việc sử dụng hóa chất.

Tuy nhiên, vào những ngày mưa lớn kéo dài, nên bón vôi CaCO_3 liều lượng 10 - 15 kg/1.000 m³. Kiểm tra các yếu tố môi trường ngoài kênh cấp trước khi cấp và thay nước để ổn định chất lượng nước ao nuôi. Cỡ sò huyết giống thả 500 - 800 con/kg, sau thời gian 7 - 8 tháng nuôi sẽ cho thu hoạch, sò đạt cỡ thương phẩm 60 - 70 con/kg. Cỡ sò huyết giống thả 1.000 - 1.200 con/kg thời gian nuôi 12 - 18 tháng thu hoạch, sò đạt 60 - 70 con/kg.

TĂNG CƯỜNG CHỈ ĐẠO NUÔI TÔM NƯỚC LỢ Ở CÀ MAU

Phan Khang

Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố Cà Mau tiếp tục thực hiện tốt Công văn số 2620/TCTS-NTTS ngày 29/12/2020 của Tổng cục Thủy sản về việc thực hiện khung lịch mùa vụ thả giống nuôi tôm nước lợ năm 2021; quy chế phối hợp quản lý giống tôm nước lợ (Quy chế số 03/QCPH-GTS ngày 22/01/2021); tăng cường kiểm tra, kiểm soát điều kiện cơ sở sản xuất và chất lượng tôm giống, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản trong sản xuất, lưu thông trên thị trường, để đảm bảo sản xuất, cung ứng vật tư, con giống chất lượng cao phục vụ sản xuất; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm (nếu có). Các cơ quan liên quan phải theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, quan trắc, cảnh báo môi trường để kịp thời khuyến cáo người dân; hướng dẫn các biện pháp phòng chống dịch bệnh hiệu quả, không để bùng phát bệnh dịch; thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật để nuôi tôm hiệu quả, giảm thiểu tối đa thiệt hại cho người nuôi.

Đồng thời, phải tăng cường thông tin, tuyên truyền, chuyển giao khoa học kỹ thuật để nhân rộng các mô hình nuôi 2, 3 giai đoạn, sử dụng chế phẩm sinh học, nuôi tuần hoàn khép kín, nuôi tôm an toàn sinh học, nuôi tôm - lúa, nuôi tôm hữu cơ, nuôi tôm công nghệ cao,... để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

Phát triển các mô hình nuôi tôm tại các vùng có điều kiện sinh thái phù hợp gắn với kiểm soát chặt chẽ điều kiện cơ

sở nuôi theo quy định. Triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người nuôi và doanh nghiệp; kịp thời thông tin tới doanh nghiệp và người nuôi dự báo diễn biến nhu cầu của thị trường tiêu thụ; tiếp tục có các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người nuôi tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi, tối ưu hóa chuỗi sản xuất; quan tâm phát triển các sản phẩm phù hợp để thúc đẩy tiêu thụ thị trường trong nước.

Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi trục lợi, ép giá, gian lận thương mại, thông tin sai sự thật trong sản xuất tôm giống, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, thị trường tiêu thụ tôm,... làm mất ổn định sản xuất.

Tuyên truyền về các quy định của Luật Thủy sản 2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn; đặc biệt quan tâm chỉ đạo, tháo gỡ các vướng mắc và ưu tiên phân bổ nguồn lực hợp lý để triển khai thực hiện gấp việc đăng ký cấp giấy xác nhận mã số cơ sở nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng theo quy định.

Thực hiện báo cáo tình hình sản xuất và tiêu thụ tôm nuôi trên địa bàn tỉnh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đúng thời gian quy định. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đề nghị sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan kịp thời báo cáo, tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền, quy định hoặc kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bộ, ngành có liên quan xem xét, hướng dẫn

NGÀNH THỦY SẢN ĐỐI MẶT VỚI NHỮNG KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC NGOÀI TÂM KIỂM SOÁT

Quốc Oai

Theo TS Nguyễn Việt Thắng, Chủ tịch Hội Nghề cá Việt Nam (VINAFIS), ngành thủy sản nước ta “đang gặp vô vàn khó khăn” về tác động của biến đổi khí hậu, thị trường, giá cả, thông tin, khoa học công nghệ liên quan tới sản xuất, chế biến, xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Nhưng, đối với doanh nghiệp với ngành thủy sản của cả nước, đặc biệt là 13 tỉnh thành khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Đối với nông dân và người nuôi trồng thủy sản thì đây là cơ hội tốt để cập nhật kiến thức kỹ thuật, thông tin thị trường, tìm

kiếm những sản phẩm dịch vụ, công nghệ tốt nhất phục vụ sản xuất.

Chủ tịch Hội nghề cá cũng thông tin chuyện cá tra trước giờ là “độc quyền” của Việt Nam, nhưng nay thì Ấn Độ, Trung Quốc đã tự nuôi được loại cá này. “Từ giờ phải giúp cho nông dân và doanh nghiệp thủy sản chủ động được nguồn nguyên liệu, tăng chất lượng, giảm giá thành, thích ứng kịp thời với cả thị trường xuất khẩu và thị trường nội địa chứ không phải cứ chạy theo sản lượng nữa”, TS Nguyễn Việt Thắng nhấn mạnh.

Từ năm 2018 tới nay ngành thủy sản nói chung và nghề nuôi trồng thủy sản nói riêng phải đối mặt với những khó khăn thách thức ngoài tầm kiểm soát, cụ thể như biến đổi khí hậu, các hiện tượng cực đoan: nắng nóng khô hạn kéo dài, giá cả của các đối tượng chủ lực như tôm biến động và suy giảm, nhưng chất lượng tôm giống không ổn định do phải nhập khẩu tôm chân trắng bố mẹ, hoặc tôm sú bố mẹ phụ thuộc vào khai thác tự nhiên, chất lượng của con giống cá tra cũng đang trên đà suy giảm; giá thức ăn và năng lượng tiếp tục có chiều hướng gia tăng. sau đó xuống lại xuống rất thấp trong mấy tháng gần đây; thẻ vàng EU cho khai thác thủy sản.... Tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy hàng năm bình quân tăng khoảng 4%; trong đó sản xuất nuôi trồng là khoảng trên 5%; tốc độ tăng giá trị sản xuất khai thác khoảng 3%. Tổng sản lượng thủy sản năm 2021 phấn đấu đạt 8.000 nghìn tấn, tăng 3 %; trong đó sản lượng khai thác đạt 3.700 nghìn tấn, tăng 2,5%; sản lượng nuôi trồng đạt 4.300 nghìn tấn, tăng 3,6% so với năm trước. Chủ tịch Hội Nghề cá Việt Nam nhấn mạnh.



TS Nguyễn Việt Thắng, Chủ tịch Hội Nghề cá Việt Nam

THÀNH PHỐ HÀ TĨNH: HƠN 3,1 VẠN CON CÁ GIỐNG ĐƯỢC THẢ ĐỂ TÁI TẠO NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Bích Diệp



Đại diện lãnh đạo Sở TN&MT và Thành phố Hà Tĩnh thả cá giống xuống các hồ chứa nước trên địa bàn.

Sáng ngày (29/5), Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh phối hợp với thành phố Hà Tĩnh đã tiến hành thả trên 3,1 vạn con cá giống để tái tạo nguồn lợi thủy sản trên địa bàn. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh đã hỗ trợ 3 vạn con cá giống rô phi đầu vuông và thành phố Hà Tĩnh huy động xã hội hóa mua trên 1 ngàn con cá chép để thả tại các hồ chứa nước ngọt trên địa bàn gồm: Hồ Đồng Ghè xã Thạch Hạ, Hồ Đập Trần xã Đồng

Môn và Hồ Đồng Phở xã Thạch Hưng. Số cá giống trước khi thả đã được kiểm tra về chất lượng và đảm bảo về an toàn phòng chống dịch bệnh. Ngay sau khi thả, lãnh đạo Thành phố Hà Tĩnh giao cho cấp ủy chính quyền các địa phương bảo vệ, nghiêm cấm người dân đánh bắt để tái tạo nguồn lợi thủy sản, giữ cân bằng môi trường sinh thái, tạo tiền đề để phát triển các dịch vụ du lịch sinh thái trải nghiệm vùng ven đô.

GIÁ THỨC ĂN CHĂN NUÔI TIẾP TỤC TĂNG

Trùng Dương

Sáng 26-4, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (NN&PTNT) tổ chức Hội nghị triển khai các giải pháp phát triển chăn nuôi và thủy sản trong tình hình mới. Đặc biệt là bàn giải pháp giảm giá thức ăn chăn nuôi.

Theo Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Phùng Đức Tiến, từ cuối năm 2020, giá thức ăn chăn nuôi tăng 20 - 30%, giá gia cầm nhiều tháng qua rất thấp, tiêu thụ thủy sản cũng gặp khó, như vậy bảo đảm được không.

Ông Nguyễn Xuân Dương, quyền cục trưởng Cục Chăn nuôi, cho biết trong tháng 4-2021, giá thức ăn chăn nuôi tiếp tục tăng 2,7 - 3,3% so với quý 1-2021, lên 10.995 đồng/kg đối với thức ăn cho gà thịt lông trắng, 10.697 đồng/kg đối với heo thịt.

“Giá các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi chính chưa có chiều hướng giảm ngay trong quý 2-2021, dự kiến sẽ giảm dần và ổn định từ tháng 7-2021.

Do đó, giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm sẽ tăng tối thiểu 5 - 10% (500 - 1.000 đồng/kg) tùy loại để đạt mức tăng 20% thì mới dừng lại, khi đó thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo và gà có thể sẽ lên 11.000 - 11.300 đồng/kg”. Nguyên nhân theo ông Dương là do giá các loại ngũ cốc trên thị trường thế giới đều tăng cao. Ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, chi phí vận chuyển tăng do thiếu tàu biển và container vận chuyển hàng hóa tăng trung bình 200 - 300%.

“Giá nguyên liệu như ngô, lúa mì có xu hướng tăng nhanh do những lo ngại về nhu cầu thu mua của Trung Quốc tăng cao, cũng như tình trạng hạn hán tại Brazil có thể ảnh hưởng đến sản xuất ngô của nước này.

Argentina hiện đang là nước cung cấp số lượng ngô, đậu

tương. Khô dầu đậu tương thế giới đình trệ tại các cảng biển trong tháng 1 và 2-2020 làm cản trở việc xuất khẩu các lô hàng của nhiều doanh nghiệp Việt Nam” - ông Dương cho biết.

Cũng theo ông Dương, giá thức ăn chăn nuôi tăng ảnh hưởng trực tiếp đến chăn nuôi gia cầm. Thời gian qua, giá bán gia cầm rất thấp, hiện giá gà thịt lông màu ngày trung bình 31.000 đồng/kg, gà thịt 21.800 - 25.000 đồng/kg. “Giá thức ăn tăng gây khó khăn cho người chăn nuôi. Nếu người dân nuôi không duy trì quy mô đàn thì nguy cơ thiếu sản phẩm thịt gà vào quý 2 và 3-2021.

Giá thịt gia cầm có thể tăng từ tháng 5 trở đi do lượng sản xuất con giống trong quý 1-2021 giảm 50% so với quý 4-2020, nên dự báo nguồn cung gia cầm có thể thiếu trong các tháng tới”.

Ông Trần Đình Luân, tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản thì cho biết giá nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản tăng mạnh từ đầu năm 2021, có loại thức ăn tăng hơn 10%.

“Điều này rất đáng quan ngại vì giá thủy sản cao hơn so với một số nước trong khu vực, đây là điều bất lợi khi xuất khẩu, tính cạnh tranh sẽ yếu đi”.

Thứ trưởng Phùng Đức Tiến cho biết bộ sẽ rà soát lại một số cơ chế chính sách chưa được tháo gỡ để trình Chính phủ giảm thuế một số nguyên liệu nhập khẩu như ngô, lúa mì...

“Đồng thời đề nghị các công ty sản xuất thức ăn cần tối đa hóa nguồn nguyên liệu trong nước có thể thay thế được nguồn nhập khẩu, giảm các chi phí sản xuất để giảm giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm, giữ ở mức độ hợp lý” - Thứ trưởng Phùng Đức Tiến thông tin.